Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương
DN: C=VN, CN=Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương, L=Quận Hoàn Kiếm, ST=HÀ NỘI, UID=MST:0102995749
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.20 11:19:26+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30

Tháng …… / 2026

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30

Tên Quỹ	:	QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30
Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng	:	Số..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..... tháng ..... năm .....
Loại hình Quỹ	:	Quỹ hoán đổi danh mục
Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN	:	Ngày ..... tháng ..... năm 2026
Thời gian hiệu lực của Bản cáo bạch dự kiến kể từ ngày	:	Ngày ..... tháng ..... năm 2026
Tiêu đề của Bản cáo bạch	:	Bản cáo bạch QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30

Thông cáo nội dung sau:

Quỹ đầu tư Chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày ..... tháng ..... năm 2026.

Người phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên	:	Ông Phí Tuấn Thành
Chức danh	:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Địa chỉ liên lạc	:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương - Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024 39446368
Trang thông tin điện tử	:	https://www.techcomcapital.com.vn/

Nơi cung cấp các tài liệu quỹ:

Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 sẽ được cung cấp tại Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối của Quỹ và tại trang thông tin điện tử https://www.techcomcapital.com.vn/

THÔNG TIN VÀ KHUYẾN NGHỊ QUAN TRỌNG

Các thông tin trong Bản cáo bạch này được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương ("Công ty quản lý quỹ") chuẩn bị dựa trên sự hiểu biết về thực tiễn và pháp luật Việt Nam (bao gồm cả vấn đề thuế) tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, quy định pháp luật và thực tiễn có thể thay đổi. Việc lưu hành Bản cáo bạch này và phân phối chứng chỉ quỹ tại một số quốc gia có thể bị hạn chế bởi pháp luật của quốc gia đó.

Nhà đầu tư, bao gồm nhà đầu tư nước ngoài cần tham khảo ý kiến chuyên môn để hiểu rõ các quy định pháp luật, thuế, quản lý ngoại hối và kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ quỹ trước khi quyết định đầu tư vào QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 ("Quỹ"/ "Quỹ ETF").

Trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ ETF, Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ các thông tin về Quỹ như sau:

1. Chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm.
2. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.
3. Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó.
4. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành nơi nước họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.
5. Nhà đầu tư (kể cả Nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua bán và nắm giữ chứng chỉ quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.
6. Nhà đầu tư hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.
7. Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.
8. Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ do Công ty quản lý quỹ và các Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ. Đặc

biệt, giá trị chứng chỉ quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

9. Việc đầu tư vào Quỹ ETF không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư, Nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng chỉ quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.
10. Dữ liệu cá nhân của Nhà đầu tư, bao gồm thông tin cung cấp trong các giấy đăng ký mở tài khoản, phiếu lệnh giao dịch hoặc các thông tin khác thu thập trong quá trình thiết lập mối quan hệ với Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ (bao gồm thông tin về số dư Chứng chỉ quỹ), sẽ được thu thập, lưu trữ dưới dạng số hóa và xử lý bởi Ngân hàng giám sát, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối và/hoặc các đại lý, người được ủy quyền của các bên nêu trên theo quy định pháp luật, nhằm mục đích:
    - Cung cấp các dịch vụ cho Nhà đầu tư; và
    - Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

Bằng việc sử dụng dịch vụ của Công ty quản lý quỹ, Nhà đầu tư đồng ý với việc xử lý dữ liệu cá nhân nêu trên (bao gồm chuyển giao và tiết lộ dữ liệu giữa các bên liên quan).

Trường hợp dữ liệu cá nhân Nhà đầu tư cung cấp bao gồm thông tin về các thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền, kế toán trưởng và/hoặc chủ sở hữu hưởng lợi, và các cá nhân khác có liên quan, Nhà đầu tư cần đảm bảo đã nhận được sự đồng ý của các cá nhân đó về việc xử lý dữ liệu.

Ngoài ra, Nhà đầu tư được thông báo rằng dữ liệu cá nhân của Nhà đầu tư sẽ được lưu giữ trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng duy trì, và Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ xử lý dữ liệu này thay mặt Công ty quản lý quỹ.

Nhà đầu tư cần đọc và tìm hiểu rõ Chính Sách Bảo Vệ Dữ Liệu Cá Nhân được đăng tải trên website https://www.techcomcapital.com.vn/thong-bao-bao-mat-va-rieng-tu-du-lieu/ của Công ty quản lý quỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ ETF.

11. Nhà đầu tư cũng cần lưu ý rằng bất kỳ Nhà đầu tư nào cũng chỉ có thể thực hiện đầy đủ quyền của mình đối với Quỹ trực tiếp, đặc biệt là quyền tham gia các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư nếu Nhà đầu tư được đăng ký chính mình và bằng tên của chính mình trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư của Quỹ. Trong trường hợp Nhà đầu tư đầu tư vào Quỹ ETF thông qua tổ chức tài chính trung gian bằng tên của chính trung gian đó thay mặt cho Nhà đầu tư, có thể không phải lúc nào Nhà đầu tư cũng có thể thực hiện một số quyền Nhà đầu tư trực tiếp đối với Quỹ. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư nên tìm kiếm sự tư vấn từ tổ chức trung gian của mình để được tư vấn về quyền của Nhà đầu tư đối với Quỹ.
12. Bản cáo bạch này sẽ được Công ty quản lý quỹ cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng hoặc được cập nhật định kỳ. Do đó, Nhà đầu tư cần lưu ý tìm đọc bản cập nhật Bản cáo bạch trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 7
1. Công ty quản lý quỹ 7
2. Ngân hàng giám sát 7
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA 8
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ 11
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam 11
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư 12
2.1 Thị trường chứng khoán Việt Nam 12
2.2 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026 13
3. Giới thiệu về Chỉ số VN30 14
4. Lợi ích của việc đầu tư vào QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 14
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 15
1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ 15
1.1 Cổ đông của Công ty quản lý quỹ 15
1.2 Hội đồng quản trị 16
1.3 Ban điều hành Công ty quản lý quỹ 17
1.4 Hội đồng đầu tư 17
2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ 18
2.1 Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ 18
2.2 Các quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương hiện đang quản lý 18
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 18
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN 19
VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ 20
1. Thành viên lập quỹ 20
1.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh 20
1.2 Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương 20
2. Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ 21
2.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh 21
2.2 Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương 21
3. Tổ chức tạo lập thị trường 21
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN 22
1. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ 22
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng 22
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ 22
1. Thông tin chung về Quỹ 22
1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ 22
1.2 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán 23
1.3 Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ 23
1.4 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ 23
1.5 Người điều hành quỹ 23
1.6 Ban đại diện quỹ 23
2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ 24
2.1 Các điều khoản chung 25
2.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế 25
2.3 Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư 29
2.4 Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ 36
2.5 Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ 38
2.6 Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả 39
2.7 Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế 40
2.8 Đại hội nhà đầu tư 40
2.9 Ban đại diện quỹ 43
2.10 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 46
2.11 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát 49

2.12 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo 51
3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ 52
3.1 Rủi ro thị trường 52
3.2 Rủi ro lãi suất 52
3.3 Rủi ro lạm phát 52
3.4 Rủi ro thanh khoản 52
3.5 Rủi ro pháp lý 53
3.6 Rủi ro tín nhiệm 53
3.7 Rủi ro xung đột lợi ích 53
3.8 Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể 53
3.9 Rủi ro cá biệt 54
X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO 55
1. Căn cứ pháp lý 55
2. Phương án phát hành lần đầu 56
3. Đăng ký và góp vốn thành lập quỹ 59
3.1 Giai đoạn đăng ký góp vốn 59
3.2 Giai đoạn thực hiện góp vốn thành lập Quỹ 61
3.3 Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn 66
3.4 Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho đợt phát hành lần đầu 67
3.5 Niêm yết chứng chỉ quỹ ETF 67
4. Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF (Giao dịch sơ cấp) 67
4.1 Nguyên tắc thực hiện 67
4.2 Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi 70
4.3 Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ 75
4.4 Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ 75
4.5 Các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật 76
4.6 Sửa, hủy Lệnh giao dịch hoán đổi 77
4.7 Tạm dừng giao dịch 78
4.8 Chuyển nhượng phi thương mại 78
4.9 Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của Giao dịch hoán đổi (sơ cấp) 79
4.10 Đại lý phân phối và địa điểm nhận lệnh 79
5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng 79
5.1 Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng 79
5.2 Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) 80
5.3 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng 80
5.4 Công bố Giá trị tài sản ròng 80
6. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết 80
6.1 Niêm yết chứng chỉ quỹ 80
6.2 Giao dịch Chứng chỉ quỹ 80
6.3 Hủy niêm yết Chứng chỉ quỹ 81
7. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ 82
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 82
1. Báo cáo tài chính 82
2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ 82
3. Giá dịch vụ 82
3.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng 82
3.2 Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký 83
3.3 Các loại giá dịch vụ khác 84
3.4 Các thông tin khác 84
4. Các chỉ tiêu hoạt động 85
4.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ 85
4.2 Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ 86
5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ 86
5.1 Các khoản thu nhập của Quỹ 86

5.2 Kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận 86
6. Dự báo kế quả hoạt động của Quỹ 87
7. Chính sách thuế 87
8. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ 88
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 88
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 88
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ 89
XV. CAM KẾT 89
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM 89

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 92
PHỤ LỤC 2. THÔNG TIN HƯỚNG DẪN THAM GIA ĐẦU TƯ VÀO QUỸ 93
PHỤ LỤC 3. CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 95
PHỤ LỤC 4. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ 112
PHỤ LỤC 5. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ 121

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG (TECHCOM CAPITAL)

Giấy phép thành lập và hoạt động	:	Số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008; Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/01/2019 (do chuyển đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần) và các giấy phép sửa đổi theo từng thời điểm (nếu có)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0102995749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/01/2019 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
Trụ sở chính	:	Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(+84) 24 39446368
Trang thông tin điện tử	:	http://www.techcomcapital.com.vn/

Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch:

Ông Nguyễn Xuân Minh	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phí Tuấn Thành	:	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thu Hằng	:	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký	:	Số 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2003
Trụ sở chính	:	Số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Đại diện theo pháp luật	:	Ông Nguyễn Thanh Tùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đại diện theo ủy quyền	:	Ông Võ Trí Thanh
Chức vụ	:	Trưởng Trung tâm Dịch vụ khách hàng
Văn bản ủy quyền	:	Số 262/UQ-VCB-TTDVKH ngày 07/03/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản cáo bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

Thuật ngữ	Nội dung
"Quỹ hoán đổi danh mục"/ "Quỹ ETF"/ "Quỹ"	Là Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ; là một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"Công ty quản lý quỹ"/ "Techcom Capital"/ "TCC"	Nghĩa là Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ thương, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008, Giấy phép thành lập và hoạt động sau khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần số 57/GP-UBCK ngày 30/01/2019 và các giấy phép sửa đổi theo từng thời điểm (nếu có). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102995749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/01/2019 (và các giấy phép thay đổi theo từng thời kỳ) đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 38 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 39 của Điều lệ Quỹ.
"Ngân hàng giám sát"	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng giám sát) Là Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam), thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; và các lần sửa đổi, bổ sung sau đó (nếu có) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp ngày 07/07/2006, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 43 của Điều lệ Quỹ.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30.
"Điều lệ quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).

"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là Đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn do tất cả Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng theo quy định tại Điều 4 Điều lệ Quỹ và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
"Chứng chỉ quỹ"/"Chứng chỉ quỹ ETF"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
"Lô chứng chỉ quỹ"/"Lô ETF"	Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải thanh toán để mua một Lô chứng chỉ quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều 20 Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại" (nếu có)	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ một Lô chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại đã quy định tại Điều 20 Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Quỹ khi mua Lô chứng chỉ quỹ. Mức Giá dịch vụ phát hành tối đa được quy định tại Điều 20 Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Quỹ khi hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu. Mức Giá dịch vụ mua lại tối đa được quy định tại Điều 20 Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Cổ tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF

	đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
"Giá trị tài sản ròng của quỹ/NAV"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày định giá.
"Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ ETF (iNAV)"	Là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch; chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo quy định pháp luật hiện hành. Đối với ngày định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.
"Ngày giao dịch hoán đổi"	Là Ngày định giá mà Quỹ ETF, thông qua Công ty quản lý quỹ phát hành và mua lại các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ quỹ, công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán.
"Thành viên lập quỹ"/ "AP"	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Tổ chức tạo lập thị trường"	Là Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán, được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
"Đại lý phân phối"	Là các công ty chứng khoán, tổ chức đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Đại lý chuyển nhượng"	Là Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được Công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ quỹ.
"Chỉ số tham chiếu"	Là chỉ số chứng khoán do Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM xây dựng và quản lý, là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare, theo quy định trong quy tắc chỉ số. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Chỉ số VN30 đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 250 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
"Chứng khoán cơ cấu"	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
"Danh mục chứng khoán cơ cấu"	Là danh mục bao gồm các Chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô chứng

	chỉ quỹ ETF. Danh mục chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu.
"Lệnh giao dịch hoán đổi"	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các Lô chứng chỉ quỹ và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu.
"Bỏ phiếu điện tử (e-voting)"	Là hình thức giúp các Nhà đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam"/"VSDC"	Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
"Sở giao dịch chứng khoán"	Là Sở giao dịch chứng khoán mà Chứng chỉ quỹ được niêm yết.
"HOSE"/ "HSX"	Là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"Giao dịch hoán đổi"	Là việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại, được thực hiện giữa Quỹ ETF và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ quỹ.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ, định nghĩa khác được sử dụng tại Bản cáo bạch này mà không được giải thích tại Mục này thì được hiểu theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Sáu tháng đầu năm 2026 tiếp nối và củng cố đà tăng trưởng mạnh mẽ, đưa nền kinh tế Việt Nam đạt những kết quả hết sức ấn tượng. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2026 ước tính tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước – mức tăng cao nhất của nửa đầu năm trong hơn hai thập kỷ qua, trong đó GDP quý II bứt tốc lên 8,39% từ mức 7,83% của quý I. Động lực tăng trưởng chính tiếp tục đến từ sự bứt phá của khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng 9,81%, đóng góp tới 47,20% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định vai trò động lực dẫn dắt với tốc độ tăng 10,23%; ngành xây dựng tăng 9,51% nhờ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, trong khi ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,34% để đáp ứng nhu cầu cao điểm mùa nắng nóng.

Khối dịch vụ ghi nhận mức tăng trưởng 8,09%, đóng góp 47,14% vào nền kinh tế nhờ nhu cầu tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán và sự bùng nổ của lượng khách quốc tế. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì đà tăng trưởng ổn định ở mức 3,87%, đóng góp 5,66% và tiếp tục là trụ đỡ vững chắc đảm bảo an ninh lương thực, đồng thời tạo dư địa cho hoạt động xuất khẩu nông, thủy sản.

Về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 6 tháng đầu năm 2026 tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước, tiến sát ngưỡng mục tiêu 4,5% của cả năm; lạm phát cơ bản tăng 4,12%. Song, áp lực giá tập trung trong quý II khi CPI bình quân quý tăng tới 5,25% dưới tác động của giá nhà ở, điện nước và giao thông, chỉ số đã hạ nhiệt về 4,69% trong tháng 6 nhờ giá năng lượng thế giới đi xuống. Hoạt động xuất nhập khẩu ghi nhận kết quả tích cực, với tổng kim ngạch đạt gần 550 tỷ USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu khiến cán cân thương mại hàng hóa chuyển sang nhập siêu khoảng 16,65 tỷ USD (trái ngược với xu hướng xuất siêu của các năm trước). Trong đó, khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu 24,95 tỷ USD, trong khi khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục xuất siêu 8,3 tỷ USD.

Thị trường nội địa chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của sức cầu tiêu dùng với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.889,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Du lịch quốc tế đạt kết quả kỷ lục khi đón 12,3 triệu lượt khách trong 6 tháng, tăng gần 14,9% và xác lập mức cao nhất từ trước đến nay, trở thành một trong những trụ cột quan trọng nâng đỡ khu vực dịch vụ.

Dòng vốn đầu tư vào nền kinh tế duy trì sự ổn định và tích cực. Đặc biệt, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt 34,65 tỷ USD, tăng mạnh 61% so với cùng kỳ năm trước; vốn FDI thực hiện ước đạt 13,03 tỷ USD – mức cao nhất trong 5 năm qua, phản ánh niềm tin bền vững của nhà đầu tư quốc tế vào triển vọng dài hạn của Việt Nam. Trong hoạt động ngân hàng, tính đến cuối tháng 06/2026, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế ghi nhận mức tăng trưởng 7,73% so với cuối năm 2025, bổ sung khoảng 1,4 triệu tỷ đồng vốn cho sản xuất kinh doanh và đưa tổng dư nợ toàn hệ thống gần 20 triệu tỷ đồng.

Trên phương diện tiền tệ và thị trường tài chính, nửa đầu năm 2026 diễn ra trong bối cảnh toàn cầu duy trì kịch bản "lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn": Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) nâng dự báo lãi suất điều hành năm 2026 lên 3,8%, trong khi Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) phát tín hiệu duy trì lập trường thận trọng. Áp lực bên ngoài cùng thâm hụt thương mại mở rộng khiến đồng VND chịu sức ép mất giá; tỷ giá USD/VND niêm yết tại Vietcombank tăng lên khoảng 26.269 đồng vào cuối tháng 6, ghi nhận tuần mất giá thứ tư liên tiếp.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

2.1 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Kết thúc nửa đầu năm 2026, chỉ số VN-Index đạt 1.860,01 điểm, tăng 4,2% so với cuối năm 2025. Tuy vậy, mức tăng khiêm tốn của VN-Index không phản ánh đầy đủ diễn biến động mạnh của thị trường trong giai đoạn đầu năm. Sau khi tiến lên vùng 1.900 điểm trong tháng 1, VN-Index chịu áp lực điều chỉnh sâu trong tháng 3 do tâm lý lo ngại trước rủi ro địa chính trị tại Trung Đông, áp lực giá dầu và xu hướng bán tháo trên thị trường tài chính. Đáng chú ý, riêng phiên 09/03/2026, VN-Index giảm 115,05 điểm (-6,51%) về vùng 1.652,79 điểm – một trong những phiên giảm mạnh nhất về điểm số. Trong tháng 3, chỉ số có thời điểm lùi về sát vùng 1.600 điểm, tương đương mức giảm khoảng 15–16% so với vùng đỉnh quanh 1.900 điểm trước đó. Từ vùng đáy này, chỉ số phục hồi gần 21%, đạt đỉnh nửa đầu năm quanh 1.928 điểm ngày 18/05/2026 trước khi điều chỉnh nhẹ về cuối kỳ. Trên sàn Hà Nội, HNX-Index đóng cửa ở mức 313,16 điểm, tăng mạnh 25,9% so với cuối năm trước và vượt trội hẳn so với sàn HOSE; chỉ số UPCoM-Index đạt 129,94 điểm, tăng 7,42%. Diễn biến phân hóa này cho thấy dòng tiền nửa đầu năm nghiêng rõ về nhóm vốn hóa vừa và nhỏ trên HNX và UPCoM.

Về thanh khoản, thị trường sôi động trong quý I nhưng hạ nhiệt rõ rệt trong quý II. Giá trị khớp lệnh bình quân trên HOSE đạt khoảng 23.000 tỷ đồng/phiên trong cả nửa đầu năm, nhưng phân bổ không đều: quý I bình quân khoảng 28.300 tỷ đồng/phiên, sang quý II giảm còn khoảng 18.100 tỷ đồng/phiên và riêng tháng 6 chỉ còn quanh 13.800 tỷ đồng/phiên. Tính chung cả ba sàn HOSE, HNX và UPCoM, giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường vào khoảng 25.000 tỷ đồng/phiên. Cùng với đà phục hồi của các chỉ số, quy mô vốn hóa thị trường thực tế gần như đi ngang so với cuối năm 2025, ước tính đạt gần 10.600 nghìn tỷ đồng cuối tháng 6.

2.2 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026

Khép lại nửa đầu năm 2026, nền kinh tế Việt Nam tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn còn lại: GDP 6 tháng tăng 8,18% – cao nhất trong hơn hai thập kỷ và vượt mức 7,63% cùng kỳ 2025 – với quý II bứt phá lên 8,39%. Công nghiệp – xây dựng tăng trưởng mạnh 9,81% (riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,23%), tiếp tục là trụ cột dẫn dắt. Dù vậy, mức 8,18% vẫn còn khoảng cách đáng kể so với mục tiêu tăng trưởng tối thiểu 10% cả năm, đặt áp lực dồn lên cho nửa cuối 2026. Những động lực trọng tâm định hình triển vọng nửa cuối năm:

- **Thúc đẩy nâng hạng thị trường** – chất xúc tác lớn nhất nửa cuối năm. FTSE Russell đã xác nhận lộ trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên nhóm mới nổi thứ cấp từ tháng 9/2026, mở ra kỳ vọng thu hút hàng tỷ USD vốn ngoại, có thể đảo chiều xu hướng khối ngoại bán ròng hơn 3 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm.
- **Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và hạ tầng.** Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước 6 tháng ước đạt 335,6 nghìn tỷ đồng (tăng 12,7%), song tốc độ này chậm hơn nhiều so với mức tăng 22,6% cùng kỳ 2025 – cho thấy tiến độ giải ngân còn là điểm nghẽn. Do đó, việc tháo gỡ vướng mắc, xử lý dứt điểm dự án tồn đọng để tăng tốc trong nửa cuối năm vừa là yêu cầu cấp thiết vừa là dư địa tăng trưởng, tạo hiệu ứng lan tỏa tới nhóm xây dựng, vật liệu và bất động sản.
- **Thu hút dòng vốn FDI thế hệ mới.** FDI thực hiện 6 tháng đạt 13,03 tỷ USD (tăng 11,2%); vốn đăng ký đạt 34,65 tỷ USD (tăng 61%), trong đó chế biến, chế tạo chiếm 61,9% vốn đăng ký cấp mới. Dòng vốn tiếp tục dịch chuyển sang lĩnh vực giá trị gia tăng cao như chip, bán dẫn, năng lượng, đổi mới sáng tạo, góp phần củng cố triển vọng nhóm cổ phiếu khu công nghiệp và công nghệ.
- **Tái cơ cấu công nghiệp và phát triển công nghệ.** Sản xuất công nghiệp phục hồi rõ nét, chỉ số IIP tháng 6 tăng 12,71% so với cùng kỳ. Ưu tiên làm chủ công nghệ mới (AI, công nghiệp xanh, bền vững) cùng liên kết FDI – doanh nghiệp nội sẽ nâng năng lực cạnh tranh chung của khối sản xuất.
- **Kích cầu tiêu dùng và phát triển thị trường trong nước.** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ duy trì xu hướng tăng. Các giải pháp đột phá sẽ được triển khai để phát triển mạnh thị trường nội địa và đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Việc đổi mới xúc tiến thương mại, tổ chức các sự kiện quy mô lớn và làm mới sản phẩm du lịch sẽ kích thích sức mua, hỗ trợ trực tiếp cho đà tăng trưởng của nhóm ngành bán lẻ, dịch vụ và du lịch trên sàn chứng khoán.

Nhìn chung, với nền tảng tăng trưởng cao kỷ lục của nửa đầu năm và chất xúc tác nâng hạng tháng 9, thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều triển vọng tích cực. Dù vậy, các yếu tố như khối ngoại bán ròng, giải ngân đầu tư công còn chậm, nhập siêu kéo dài và rủi ro địa chính trị gây áp lực gia tăng lên lạm phát và mặt bằng lãi suất cần được theo dõi chặt chẽ.

3. Giới thiệu về Chỉ số VN30

Chỉ số VN30 là chỉ số thể hiện biến động giá cổ phiếu của các Công ty niêm yết trên HOSE. Chỉ số VN30 bao gồm 30 Công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNAllshare đáp ứng các điều kiện sàng lọc theo quy định về tư cách cổ phiếu, tỷ lệ free float (khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường), thanh khoản,... theo các điều kiện được quy định tại Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index tại từng thời kỳ.

Phương pháp lựa chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số

Theo Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index tại từng thời kỳ.

4. Lợi ích của việc đầu tư vào QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 sở hữu các ưu điểm như đa dạng hóa danh mục đầu tư, thanh khoản cao, và quản lý chuyên nghiệp bởi một Công ty quản lý quỹ. Ngoài ra, các lợi ích đặc thù khi đầu tư vào Quỹ ETF bao gồm chi phí thấp và tính minh bạch cao:

- **Chi phí hoạt động thấp:** Do Quỹ ETF đầu tư theo một Chỉ số tham chiếu, nên chi phí hoạt động hàng năm của Quỹ ETF thường thấp hơn các quỹ đầu tư khác mà trong đó, các nhà điều hành quỹ chủ động lựa chọn Chứng khoán đầu tư theo một chiến lược đầu tư đã đề ra. Chi phí hoạt động của Quỹ thấp dẫn tới lợi nhuận mang lại cho Nhà đầu tư cao hơn.
- **Đa dạng hóa danh mục đầu tư:** Thay vì tự đầu tư vào nhiều Chứng khoán khác nhau với chi phí lớn hơn, Nhà đầu tư có thể sở hữu ngay một danh mục của Chỉ số tham chiếu với chi phí hợp lý. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF mô phỏng chỉ số tham chiếu của thị trường, do đó biến động giá trị tài sản ròng của Quỹ không quá chênh lệch so với thị trường.
- **Minh bạch:** Danh mục đầu tư của Quỹ ETF và Giá trị tài sản ròng được công bố cho Nhà đầu tư một cách minh bạch và thường xuyên. Nhà đầu tư biết rõ Danh mục đầu tư của Quỹ trước khi đưa ra các quyết định đầu tư. Dựa vào Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật thường xuyên, Nhà đầu tư có thể xác định kết quả các khoản đầu tư của mình để đưa ra các quyết định mua bán hợp lý.
- **Quản lý chuyên nghiệp:** Thay vì tự đầu tư, Quỹ ETF cho phép Nhà đầu tư tiếp cận với những người điều hành quỹ chuyên nghiệp, những người có chuyên môn, kinh nghiệm đầu tư, và nguồn lực để quản lý tài sản hiệu quả qua những giai đoạn biến động của thị trường.
- **Thanh khoản cao:** Khi có nhu cầu, Nhà đầu tư có thể bán lại Chứng chỉ quỹ ETF cho Công ty quản lý quỹ đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (giao dịch sơ cấp) hoặc bán trực tiếp trên sàn giao dịch (giao dịch thứ cấp) với mức giá được đảm bảo gần với Giá trị tài sản ròng của Quỹ (nhờ có hoạt động tạo lập thị trường của Tổ chức tạo lập thị trường).

Việc đầu tư vào Quỹ luôn gắn liền với các rủi ro được nêu chi tiết tại Bản cáo bạch này. Các thông tin nêu tại Mục III không hàm ý bảo đảm hoặc cam kết về khả năng sinh lời của Quỹ trong tương lai.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ

Tên bằng tiếng Việt	:	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
Tên bằng tiếng Anh	:	TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	TECHCOM CAPITAL (TCC)
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số	:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008; được cấp lại bằng Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/01/2019 do chuyển đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần, và các giấy phép điều chỉnh theo từng thời điểm (nếu có)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	0102995749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (và các lần đăng ký thay đổi theo từng thời kỳ)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(+84) 24 3944 6368
Website	:	https://www.techcomcapital.com.vn/
Thời hạn hoạt động (nếu có)	:	"Không giới hạn"
Vốn điều lệ	:	669.662.910.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi chín tỷ, sáu trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm mười nghìn đồng chẵn)

1.1 Cổ đông của Công ty quản lý quỹ

a) Giới thiệu về cổ đông góp vốn khi thành lập

Tại thời điểm thành lập năm 2008, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (tiền thân là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương) có mức vốn điều lệ là 40 tỷ đồng với danh sách cổ đông sáng lập như sau: 100% vốn chủ sở hữu là Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

b) Giới thiệu về cổ đông sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ

Tên cổ đông	Giá trị vốn chủ sở hữu (VNĐ)	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (%)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	595.997.020.000	88,99956%
Ông Nguyễn Xuân Minh	36.831.310.000	5,49998%
Cổ đông khác	36.834.580.000	5,50046%
Tổng cộng	**669.662.910.000**	**100%**

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Techcombank") có mã số doanh nghiệp số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm). Địa chỉ trụ sở chính: Số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

1.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ gồm 04 (bốn) thành viên:

a) Ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Minh có bằng Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và Đầu tư tại Úc và Thạc sỹ Kỹ thuật dầu khí tại Liên bang Nga.

Ông Nguyễn Xuân Minh có hơn 25 năm kinh nghiệm trong đầu tư và quản lý quỹ.

Ông từng là CEO của Vietnam Asset Management Ltd. (VAM) và Phó chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investment tại Singapore. Ông cũng là thành viên Hội đồng quản trị một số doanh nghiệp tại Việt Nam.

b) Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền có bằng Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại Úc. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Bà từng giữ vị trí Giám đốc Trung tâm thị trường vốn – Khối nguồn vốn và thị trường Tài chính, Techcombank; Trợ lý Phó chủ tịch, chuyên gia mảng thị trường nợ và các sản phẩm nguồn vốn tại Citibank Việt Nam; là thành viên chương trình TIGER cho các quốc gia châu Á của Citibank Singapore.

c) Ông Phí Tuấn Thành – Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phí Tuấn Thành tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Tổng hợp bang Washington, Hoa Kỳ. Ông được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ của Bộ Tài chính số 00135/QLQ ngày 15/04/2009.

Ông Phí Tuấn Thành có gần 20 năm kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực ngân hàng, phân tích tài chính và đầu tư. Ông đã đảm nhận các chức danh chủ chốt tại Techcom Capital như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành, Giám đốc, Giám đốc Phân tích đầu tư, Giám đốc Cao cấp Phân tích đầu tư… và từng đảm nhận nhiều vị trí khác nhau tại các ngân hàng và tổ chức tài chính khác như VID Public Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI). Ông hiện đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

d) Ông Lê Huy Hoàng – Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Huy Hoàng tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Thạc sĩ Khoa học tại Đại học Wales và Đại học Glamorgan, Vương quốc Anh.

Ông Lê Huy Hoàng có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư và chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị rủi ro ở thị trường Đức, Anh và Việt Nam. Ông đã làm việc tại các tổ chức tài chính lớn như Vietinbank – Chi nhánh CHLB Đức với vai trò Phó Giám đốc Quản trị rủi ro, Giám đốc Quản trị rủi ro tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương và nhiều vị trí quản lý cao cấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

như Giám đốc cao cấp Quản trị và Giám sát Chính sách Quản trị rủi ro toàn hàng, Giám đốc cao cấp Quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản.

1.3 Ban điều hành Công ty quản lý quỹ

a) Ông Phí Tuấn Thành – Tổng Giám đốc:

Ông Phí Tuấn Thành tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Tổng hợp bang Washington, Hoa Kỳ. Ông được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ của Bộ Tài chính số 00135/QLQ ngày 15/04/2009.

Ông Phí Tuấn Thành có gần 20 năm kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực ngân hàng, phân tích tài chính và đầu tư. Ông đã đảm nhận các chức danh chủ chốt tại Techcom Capital như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành, Giám đốc, Giám đốc Phân tích đầu tư, Giám đốc Cao cấp Phân tích đầu tư… và từng đảm nhận nhiều vị trí khác nhau tại các ngân hàng và tổ chức tài chính khác như VID Public Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI). Ông hiện đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

***b) Bà Bùi Thị Thu Hà – Phó Tổng Giám đốc** phụ trách Hợp tác đối tác*

Bà Bùi Thị Thu Hà tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính và đầu tư, Đại học Luân Đôn, Anh. Bà có chứng chỉ Quản trị rủi ro trong tài chính và ngân hàng tại Anh và có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng. Bà cũng đã trải qua các vị trí công tác tại Tập đoàn Vinacomin, Khối nguồn vốn và Thị trường Tài chính của Techcombank và từng là Trợ lý cao cấp cho Tổng Giám đốc Techcombank.

1.4 Hội đồng đầu tư

a) Ông Phí Tuấn Thành – Tổng Giám đốc:

Ông Phí Tuấn Thành tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Tổng hợp bang Washington, Hoa Kỳ. Ông được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ của Bộ Tài chính số 00135/QLQ ngày 15/04/2009.

Ông Phí Tuấn Thành có gần 20 năm kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực ngân hàng, phân tích tài chính và đầu tư. Ông đã đảm nhận các chức danh chủ chốt tại Techcom Capital như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành, Giám đốc, Giám đốc Phân tích đầu tư, Giám đốc Cao cấp Phân tích đầu tư… và từng đảm nhận nhiều vị trí khác nhau tại các ngân hàng và tổ chức tài chính khác như VID Public Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI). Ông hiện đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

b) Bà Lê Hồng Phương

Bà Lê Hồng Phương có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, và đầu tư. Bà tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính, Đại học Arizona, Hoa Kỳ và từng giữ chức vụ Chuyên viên tư vấn đầu tư cao cấp của CTCP Quốc tế Trí Tín, tư vấn cho quỹ đầu tư Red River Holding tại Việt Nam. Bà được cấp chứng chỉ hành nghề QLQ số 001967/QLQ.

c) Ông Nguyễn Hữu Tài

Ông Nguyễn Hữu Tài có 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính và đầu tư. Ông có bằng Thạc sỹ Tài chính, Đại học Nottingham, Vương quốc Anh và từng giữ chức vụ

Trưởng nhóm Kiểm toán, Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam. Ông được cấp chứng chỉ hành nghề QLQ số 002073/QLQ.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ

2.1 Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương trong các năm vừa qua như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng doanh thu	19,8	11,4	16,6	37,3	71,8	220,4
Lợi nhuận	8,1	0,5	0,1	15,8	40,2	148,2

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng doanh thu	329,7	481,8	377,5	187,3	226,2	325,8
Lợi nhuận	187,6	220,7	141,8	96,6	95,5	145,3

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong tương lai.

2.2 Các quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương hiện đang quản lý

Tên quỹ	Loại hình quỹ	Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại 30/06/2026 (VNĐ)
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF)	Quỹ mở	5.230.101.618.255
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom (TCEF)	Quỹ mở	427.415.039.746
Quỹ Đầu tư Bất động sản Techcom Việt Nam (TCREIT)	Quỹ đóng (niêm yết)	53.260.087.015
Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt Techcom (TCFF)	Quỹ mở	133.897.967.318
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN)	Quỹ mở	810.344.923.394
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Doanh nghiệp vừa và nhỏ Techcom (TCSME)	Quỹ mở	145.631.825.764
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom (TCRES)	Quỹ mở	169.022.729.675
QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50	Quỹ hoán đổi danh mục	99.284.019.676

Nguồn số liệu: Báo cáo giá trị tài sản ròng của các quỹ do Công ty quản lý quỹ lập và được Ngân hàng giám sát xác nhận tại ngày 30/06/2026.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (Vietcombank)

Giấy phép thành lập số	:	138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008 và các lần sửa đổi, bổ sung sau đó (nếu có)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số	:	14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2003; Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024 3934 3137
Fax	:	024 3825 1322
Lĩnh vực hoạt động chính	:	Huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật

Các điều khoản liên quan đến hợp đồng cung cấp dịch vụ của Ngân hàng giám sát được thể hiện chi tiết tại Hợp đồng giám sát.

Ngân hàng giám sát thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát. Các điều khoản liên quan đến hợp đồng cung cấp dịch vụ của Ngân hàng giám sát được thể hiện chi tiết tại Hợp đồng giám sát ký giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hằng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
c) Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán quỹ đầu tư;
d) Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và/hoặc Ngân hàng giám sát.

Công ty kiểm toán dự kiến của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 là:

Tên công ty	:	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	0300811802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 20, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	(84-28) 3824 5252
Fax	:	(84-28) 3824 5250

VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Thành viên lập quỹ

Các Thành viên lập quỹ của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 là những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, bao gồm:

1.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(028) 3823 3299
Fax	:	(028) 3823 3301
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số	:	11/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/4/2003 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối	:	Số 56/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 31/12/2021
Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ	:	Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

1.2 Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

Tên	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(+84) 24 3944 6368
Fax	:	(+84) 24 3944 6583
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số	:	125/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/05/2018 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối	:	Số 55/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 31/12/2021; Giấy chứng nhận điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ngày 13/7/2022
Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ	:	Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

2. Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

2.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(028) 3823 3299
Fax	:	(028) 3823 3301
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số	:	11/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/4/2003 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối	:	Số 56/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 31/12/2021
Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ	:	Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2 Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

Tên	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(+84) 24 3944 6368
Fax	:	(+84) 24 3944 6583
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số	:	125/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/05/2018 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối	:	Số 55/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 31/12/2021; Giấy chứng nhận điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ngày 13/7/2022
Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ	:	Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

3. Tổ chức tạo lập thị trường

Quỹ không có tổ chức tạo lập thị trường.

Trong trường hợp có thay đổi (bổ sung hoặc giảm bớt) Thành viên lập quỹ, Tổ chức tạo lập thị trường (nếu có) và Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin và cập nhật danh sách đầy đủ trên trang thông tin điện tử https://www.techcomcapital.com.vn/.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ

Tên tổ chức được ủy quyền	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
Lĩnh vực hoạt động chính	:	Huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật
Phạm vi dịch vụ được ủy quyền	:	Dịch vụ quản trị quỹ, theo Hợp đồng dịch vụ quản trị quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ số 01.2026/VCB-TCBC/QTQ/ETF

Chi phí thanh toán, hình thức thanh toán được quy định chi tiết tại điểm 3.1.2 Mục XI của Bản cáo bạch này.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Tên tổ chức được ủy quyền	:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 112 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội
Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	0104154332 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/7/2009 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
Lĩnh vực hoạt động chính	:	Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; cung cấp dịch vụ khác quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của VSDC
Phạm vi dịch vụ được ủy quyền	:	Dịch vụ đại lý chuyển nhượng, theo Hợp đồng dịch vụ đại lý chuyển nhượng giữa Công ty quản lý quỹ và VSDC

Chi phí thanh toán, hình thức thanh toán được quy định chi tiết tại điểm 3.1.3 Mục XI của Bản cáo bạch này.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt	:	QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh	:	TECHCOM CAPITAL VN30 ETF

Tên viết tắt	:	TCC VN30
Loại hình quỹ	:	Quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF)
Địa chỉ liên hệ	:	Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024 3944 6368
Website	:	http://www.techcomcapital.com.vn

1.2 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư Chứng khoán ra công chúng số ..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .....

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ

Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ số ..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

1.4 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

a) QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 là quỹ hoán đổi danh mục, một loại hình Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.5 Người điều hành quỹ

Người điều hành quỹ của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 gồm 02 thành viên:

Bà Lê Hồng Phương

- Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 001967/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/11/2020 và Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo cấp ngày 21/12/2020.
- 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính và đầu tư;
- Thạc sỹ Tài chính, Đại học Arizona, Hoa Kỳ;
- Từng giữ chức vụ Chuyên viên tư vấn đầu tư cao cấp của Công ty cổ phần Quốc tế Trí Tín, tư vấn cho quỹ đầu tư Red River Holding tại Việt Nam.

Ông Nguyễn Hữu Tài

- Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002073/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2023
- 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính và đầu tư;
- Thạc sỹ Tài chính, Đại học Nottingham, Vương quốc Anh;
- Từng giữ chức vụ Trưởng nhóm Kiểm toán, Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.

1.6 Ban đại diện quỹ

Ban đại diện quỹ gồm 03 thành viên như sau:

Bà Nguyễn Phương Lan – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện quỹ

Bà Nguyễn Phương Lan đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, đảm nhiệm những vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức lớn như Phó giám đốc tư vấn tài chính tại PwC Việt Nam, Phó giám đốc đầu tư tại Techcom Capital, Trưởng phòng tài chính của Công ty cổ phần Vinpearl. Bà cũng đã có thời gian công tác tại nhiều nước trên thế giới như tại PwC Hungary, PwC Panama ở vai trò phụ trách kiểm toán, chuyên gia cao cấp tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Với nhiều năm kinh nghiệm ở nhiều lĩnh vực khác nhau, Bà có những hiểu biết sâu rộng về hệ thống quản trị tài chính quốc tế, hệ thống kiểm soát nội bộ và đã áp dụng thành công những hệ thống này vào các tổ chức mà Bà đã và đang lãnh đạo.

Bà Nguyễn Phương Lan hiện đang đảm nhiệm vai trò Giám đốc Tài chính của Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng (Golden Gate) và là hội viên của các hiệp hội ACCA, the IIA, CPA Việt Nam.

Ông Đào Kiên Trung – Thành viên độc lập, Ban đại diện quỹ

Ông Đào Kiên Trung tốt nghiệp Đại học Luật chuyên ngành Pháp luật Quốc tế và Đại học Ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh.

Từ năm 1999 đến nay, Ông Đào Kiên Trung đã trải qua nhiều vị trí khác nhau tại các đơn vị như Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Công ty cổ phần FPT, Công ty cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT, Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương.

Ông Nguyễn Viết Thịnh – Thành viên độc lập, Ban đại diện quỹ

Ông Nguyễn Viết Thịnh có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Ông Thịnh đã từng làm việc tại PwC Việt Nam với nhiều chức vụ quan trọng như Trưởng phòng kiểm toán và Giám đốc tư vấn trong giai đoạn 1999 – 2015. Hiện Ông Thịnh là thành viên Hội đồng quản trị EGP Việt Nam, CGS Việt Nam và là thành viên Hội đồng Xếp hạng Tín nhiệm, FiinRatings.

Ông Nguyễn Viết Thịnh tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Latrobe (bậc Thạc sỹ) chuyên ngành Quản trị Kinh doanh. Ông đã có Chứng chỉ Kiểm toán viên của Bộ Tài chính, đồng thời đạt các chứng chỉ kiểm toán và tài chính cấp quốc tế như ACCA của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh và CIA của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (IIA).

Các quy định về nhiệm kỳ và tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ, quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ, quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ, Chủ tịch Ban đại diện quỹ, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ, thủ tục điều hành và cuộc họp của Ban đại diện quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36 và 37 Điều lệ Quỹ.

2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ

Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

2.1 Các điều khoản chung

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tạo thành. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỉ đồng). Số vốn này được chia thành năm mươi (50) Lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng).

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

Đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng.

2.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

2.2.1 Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) xây dựng Quy tắc chỉ số và quản lý chỉ số hằng ngày như được mô tả chi tiết tại Bản cáo bạch này.

2.2.2 Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Quỹ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu, không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao.

Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn Chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của Chỉ số tham chiếu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

2.2.3 Tài sản được phép đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục của Chỉ số tham chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
e) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại mục (a) và (b) nêu trên của các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

2.2.4 Cơ cấu đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.

Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và phải đảm bảo:

a) Không đầu tư vào Chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị Chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào Chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục (i) và (ii) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
c) Trừ trường hợp là Chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Mục (i), (ii), (iv), (v) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ được phát hành bởi các Công ty trong cùng một nhóm Công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, Công ty con; các Công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm Công ty con có cùng một Công ty mẹ.
d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.
e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu Công ty đầu tư Chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng,

f) Không được đầu tư vào bất động sản,
g) Không được đầu tư vào Chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là Chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ số tham chiếu;

Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng Chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của quỹ.

2.2.5 Các hạn chế đầu tư

Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và phải đảm bảo:

a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại mục (i) và (ii) điểm b khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh mục Chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại mục (i), (ii), (iv), (v) điểm b khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
f) Không được đầu tư vào bất động sản;
g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh mục Chỉ số tham chiếu;
h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại điểm a, b, c và e khoản 2 Điều 10 Điều lệ Quỹ và chỉ do các nguyên nhân:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh mục đầu tư của Quỹ;
b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư; hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
c) Quỹ đang trong thời gian giải thể;
d) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu thay đổi;
e) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá ba (03) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

2.2.6 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

a) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
b) Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
c) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
d) Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

2.2.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư

Đối với cổ phiếu: Để mô phỏng Chỉ số tham chiếu, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục của Chỉ số tham chiếu VN30 theo tỷ lệ tương ứng. Trong trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu trong Chỉ số tham chiếu, hoặc trong trường hợp có sự tăng, giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong Chỉ số tham chiếu, Quỹ sẽ lựa chọn phương pháp nắm giữ một số cổ phiếu trong Chỉ số tham chiếu, hoặc mua những cổ phiếu không thuộc Chỉ số tham chiếu mà có độ tương quan cao với Chỉ số tham chiếu để thay thế, nhằm mô phỏng gần nhất Chỉ số tham chiếu. Quỹ có thể bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng các cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của Chỉ số tham chiếu, hoặc mua trước những cổ phiếu hiện chưa thuộc Chỉ số tham chiếu khi dự báo khả năng những cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục Chỉ số tham chiếu tại kỳ xem xét tiếp theo.

Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi của Quỹ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Các cổ phiếu đầu tư nằm trong rổ chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu VN30. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu;
- Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Trong một số trường hợp khi Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường, hoặc do sự biến động của thị trường dẫn tới tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể dưới 95%, Quỹ sẽ nỗ lực tối đa điều chỉnh lại tỷ lệ này về mức tối thiểu 95% giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu.

Đối với công cụ nợ và trái phiếu: Công ty quản lý quỹ lựa chọn đầu tư căn cứ trên các tiêu chí phân tích cơ bản về vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô hình kỹ thuật, thống kê, kỳ hạn còn lại phù hợp với nhu cầu thanh khoản của Quỹ và mức độ thanh khoản của công cụ nợ, trái phiếu trên thị trường, và rủi ro ở mức chấp nhận được, phù hợp với mục tiêu của Quỹ.

Đối với tiền gửi tại các ngân hàng thương mại: Công ty quản lý quỹ chỉ gửi tiền tại các tổ chức tín dụng nằm trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt. Việc lựa chọn căn cứ trên các tiêu chí: hạn mức tiền gửi tối đa tại từng tổ chức tín dụng, kỳ hạn gửi tiền phù hợp với nhu cầu thanh khoản của Quỹ và mức lãi suất cạnh tranh nhất tại cùng kỳ hạn.

Đối với các tài sản đầu tư khác:

- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán: Công ty quản lý quỹ chỉ đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu, không nhằm mục đích đầu cơ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ: Công ty quản lý quỹ thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích cao nhất cho Quỹ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu.

Quỹ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, đánh giá đầy đủ trên tính chất pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời, sự phù hợp với mục tiêu của Quỹ; bảo đảm tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.2.8 Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

Được quy định cụ thể tại Điều 65 của Điều lệ quỹ và điểm 5 Mục X của Bản cáo bạch.

2.3 Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

2.3.1 Nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) Chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.

b) Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư là tổ chức ký.

c) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

d) Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.

e) Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà đầu tư khác.

2.3.2 Điều kiện góp vốn, điều kiện thanh toán áp dụng đối với nhà đầu tư góp vốn vào quỹ ETF

Nhà đầu tư khi tham gia giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có đủ Chứng khoán cơ cấu và tiền mặt đáp ứng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ;

b) Sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu;

c) Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

d) Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

2.3.3 Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

2.3.3.1 Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;

b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ, tiền mua chứng chỉ Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.

2.3.3.2 Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

b) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;
d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

2.3.3.3 Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư nêu trên phải được lập bằng văn bản với các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ Quỹ.

2.3.4 Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sổ chính), hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2.3.5 Quyền biểu quyết của nhà đầu tư

Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, Công ty luật cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2.3.6 Các trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

2.3.6.1 Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định, được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận và phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

a) Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
- Phương án hợp nhất, sáp nhập;
- Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
- Dự thảo Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.

c) Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công ty quản lý quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.

d) Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà đầu tư;
- Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
- Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 72 Điều lệ quỹ.

e) Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm:

- Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục Chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
- Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

f) Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.

g) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
- Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ quỹ (nếu có).

h) Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:

- Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Nhà đầu tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
- Chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

2.3.6.2 Giải thể Quỹ

a) Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
- Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản hoặc Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
- Quỹ hủy niêm yết;
- Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể Quỹ;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:

- Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
- Chuyên các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
- Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
- Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

c) Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

- Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
- Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
- Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khó bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.

d) Đại hội nhà đầu tư chỉ định một Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.

e) Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả

danh mục cho Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 6 Điều 73 Điều lệ quỹ. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

f) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:

- Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều 73 Điều lệ quỹ.

g) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc:

- Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
- Danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
- Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Tư được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà đầu tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

h) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư tại Quỹ. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ của một (01) lô chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho Quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

i) Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

j) Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư về giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một lô, giá trị tài sản ròng trên một CCQ, danh mục chưa phân phối, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.

k) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

l) Việc giải thể Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

m) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, sau khi có văn bản chấp thuận việc giải thể Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục hủy niêm yết, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ.

Quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ

- Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể Quỹ. Quá thời hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 6 Điều 73 Điều lệ Quỹ.
- Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải bảo đảm nguyên tắc: Quỹ bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 104 Luật Chứng khoán; danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ; đối với chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; đối với các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư; việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà đầu tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.
- Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ nhỏ hơn số lượng Chứng chỉ quỹ của một (01) Lô chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư.
- Việc giải thể Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi có văn bản chấp thuận việc giải thể Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục hủy niêm yết, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ.

Quyền của Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 23 Điều lệ Quỹ (bao gồm quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ) có quyền bán lại chứng chỉ Quỹ trên sàn giao dịch chứng khoán mà chứng chỉ Quỹ niêm yết hoặc yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình (nếu số lượng chứng chỉ Quỹ tròn lô) hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản và được gửi tới trụ sở chính của Công ty quản lý

quỹ, Đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối. Mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

2.4 Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

2.4.1 Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi

a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy 01 lô chứng chỉ quỹ ETF. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ;

b) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển trực tiếp tới Thành viên lập quỹ hoặc thông qua các đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ quỹ và hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ nhà đầu tư do Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng thì lệnh giao dịch của nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ;

   Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ được Thành viên lập quỹ chuyển tới Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

d) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân hàng giám sát khả năng thực hiện được lệnh của khách hàng bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 18 Điều lệ Quỹ, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF vào tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền quy định khoản 3 Điều 18 Điều lệ Quỹ; Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

   Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Quỹ theo yêu cầu hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.

f) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư đó mà nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định tại Điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan;

g) Khi hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ quỹ ETF mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng các chứng chỉ quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ tại ngày thanh toán hoặc bằng tiền theo quy định tại Điều lệ quỹ.

   Trường hợp chứng khoán cơ cấu của quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF, quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ nếu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định cho phép. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố thông tin trên

trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

2.4.2 Các trường hợp tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

- Sở giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ số tham chiếu;
- Tổ chức phát hành Chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch Chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Cơ cấu lại Danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
- Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.

a) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho Nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

b) Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ: không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày tạm ngừng giao dịch. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

c) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ quỹ mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư bằng văn bản về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

2.5 Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

2.5.1 Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một đơn vị quỹ

Tần suất xác định giá giao dịch hoán đổi của Quỹ là hàng ngày (vào ngày làm việc) theo nguyên tắc, quy trình và phương pháp được quy định tại Chương XII của Điều lệ quỹ. Giá giao dịch

hoán đổi sẽ được xác định tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi. Nội dung này được trình bày cụ thể tại điểm 4.1.8 Mục X của Bản cáo bạch.

2.5.2 Hình thức công bố thông tin về các giá giao dịch, nơi công bố thông tin, tần suất công bố thông tin

Giá giao dịch hoán đổi phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Ngay sau khi được ngân hàng giám sát xác nhận, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.

2.5.3 Thông tin về các mức Giá dịch vụ

Giá dịch vụ phát hành:

Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ:

a) Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc sau khi quỹ được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ.
b) Giá dịch vụ phát hành: 0% trên giá trị giao dịch của Lô Chứng chỉ quỹ.

Giá dịch vụ mua lại:

a) Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu, sau khi Quỹ được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ.
b) Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô chứng chỉ quỹ và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, trong trường hợp Giá dịch vụ mua lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà đầu tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân hàng giám sát chậm nhất vào 11h00 ngày (T+1) (một ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi).
c) Giá dịch vụ mua lại: tối đa 0,15% trên giá trị giao dịch của lô Chứng chỉ quỹ.

2.6 Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả

Các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả bao gồm giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu, giá vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) và các giá dịch vụ khác (nếu có), được quy định tại Điều 66 Chương XIII của Điều lệ quỹ. Các chi phí hoạt động của Quỹ được quy định tại Điều 68 Chương XIII của Điều lệ quỹ. Các nội dung này được trình bày cụ thể tại mục 3 Chương XI Bản cáo bạch.

2.7 Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.7.1 Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của Quỹ

a) Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời kỳ).

c) Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

d) Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do nhà đầu tư chịu.

2.7.2 Chính sách thuế

Trong quá trình giao dịch chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế mà Nhà đầu tư phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động của quỹ.

2.8 Đại hội nhà đầu tư

2.8.1 Đại hội nhà đầu tư thường niên và bất thường

a) Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

b) Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.

c) Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử.

d) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
- Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Điều lệ quỹ;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

e) Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

2.8.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức Giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
d) Phương án phân phối lợi tức;
e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và Thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
g) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

2.8.3 Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư

2.8.3.1 Điều kiện tiến hành họp

Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định pháp luật hiện hành.

Thời gian, chương trình và nội dung của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai và các tài liệu phải được gửi cho Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi tiến hành Đại Hội. Đại hội Nhà đầu tư không thảo luận các vấn đề nằm ngoài nội dung đã được thông báo.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.

Đại hội Nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc biểu quyết bằng hình thức trực tuyến (e-voting). Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản được quy định tại Điều 26 của Điều lệ quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà đầu tư.

2.8.3.2 Thể thức tiến hành

- Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung thông qua lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Đại hội nhà đầu tư thường niên và bất thường đều có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Riêng đối với các nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 23 Điều lệ Quỹ, Công ty quản lý quỹ **phải tổ chức họp** Đại hội nhà đầu tư.
- Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư; thành lập ban kiểm phiếu, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Đại hội nhà đầu tư và phải được công bố trên cổng thông tin của Công ty quản lý quỹ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

2.8.4 Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

2.8.4.1 Thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

a) Mỗi Chứng chỉ quỹ tương ứng với một phiếu biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ tổ chức kiểm toán, bên thứ ba tư vấn pháp luật và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ được quyền tham gia cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết.

b) Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.

c) Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều lệ quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư dự họp tán thành.

d) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

e) Biên bản họp Đại hội nhà đầu tư phải được lập bằng tiếng Việt, có nội dung áp dụng tương ứng theo quy định về biên bản họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp và phải được thông qua, ký trước khi kết thúc cuộc họp. Trường hợp lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư được lập trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc việc kiểm phiếu. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm gửi biên bản và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

f) Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

2.8.4.2 Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 23 Điều lệ quỹ có quyền bán lại chứng chỉ Quỹ trên sàn giao dịch chứng khoán mà chứng chỉ Quỹ niêm yết hoặc yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình (nếu số lượng chứng chỉ Quỹ tròn lô) hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối. Mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư; Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

2.9 Ban đại diện quỹ

2.9.1 Tổ chức Ban đại diện quỹ

a) Ban đại diện quỹ có ba (03) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản.

b) Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban đại diện quỹ là các Thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

c) Trong Ban đại diện quỹ phải có:

- Tối thiểu một (01) Thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
- Tối thiểu một (01) Thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư Chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- Tối thiểu một (01) Thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

2.9.2 Tiêu chuẩn lựa chọn Thành viên Ban đại diện quỹ

a) Tiêu chuẩn lựa chọn Thành viên Ban đại diện quỹ:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- Không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư Chứng khoán, hoặc quản lý tài sản hoặc pháp luật.

b) Những người sau đây không được là Thành viên Ban đại diện quỹ:

- Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Chứng khoán áp dụng đối với Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty niêm yết và Điều lệ quỹ;
- Là Thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng.

2.9.3 Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ.
3. Chấp thuận bằng văn bản trước khi Công ty quản lý quỹ thực hiện các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ). Văn bản chấp thuận phải thể hiện rõ khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch và loại tài sản giao dịch. Trường hợp mức giá mua thực tế cao hơn hoặc mức giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá, hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Ban đại diện quỹ quyết định trên cơ sở giải trình của Công ty quản lý quỹ.
4. Chấp thuận bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi. Văn bản chấp thuận này áp dụng đối với các giao dịch được thực hiện trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và các giao dịch này phải tuân thủ quy định về giải trình, quyết định của Ban đại diện quỹ nêu tại Khoản trên.
5. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
6. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
7. Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

2.9.4 Chủ tịch Ban đại diện quỹ

a) Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số Thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là Thành viên độc lập.

b) Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

2.9.5 Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

a) Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất một quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

b) Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.

c) Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

2.9.6 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

a) Thành viên Ban đại diện quỹ không còn tư cách Thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó chết, không đủ tư cách làm Thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên Ban đại diện quỹ;
- Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ;
- Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện quỹ liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- Có văn bản thông báo Thành viên Ban đại diện quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức, Thành viên lập quỹ.

b) Ban đại diện quỹ và Công ty quản lý quỹ có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên Ban đại diện quỹ để thay thế chỗ trống phát sinh và Thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội Nhà đầu tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban đại diện quỹ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban đại diện quỹ mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban đại diện quỹ. Trong trường hợp Thành viên mới không được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban đại diện quỹ cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội Nhà đầu tư có sự tham gia biểu quyết của Thành viên Ban đại diện quỹ thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

2.9.7 Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Ban đại diện quỹ

Thành viên Ban đại diện quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.

Đối với cuộc họp Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2.9.8 Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng biên bản được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.

2.10 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

2.10.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.
b) Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.
c) Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

2.10.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ

2.10.2.1 Công ty Quản lý quỹ có các quyền sau:

a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 42 Điều lệ Quỹ.
b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ; Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư.
c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ hoặc pháp luật.
d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.
e) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ.
f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.
g) Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.
h) Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ.
i) Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.
j) Các quyền khác phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và của pháp luật.

2.10.2.2 Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quản lý quỹ; thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, hoạt động công bằng, trung thực vì lợi ích của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, tránh xung đột lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột lợi ích.
b) Bảo đảm tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều lệ Quỹ, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất.
c) Bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
d) Tách biệt tài sản của từng quỹ, tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của Quỹ và các tài sản khác do Công ty quản lý quỹ quản lý.

e) Chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ trong trường hợp Công ty quản lý quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều lệ Quỹ.

f) Công ty quản lý quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán.

g) Công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán và của Công ty quản lý quỹ. Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về Giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư 98;

h) Định kỳ hằng tuần, công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ về mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu. Mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu được xác định theo Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư 98;

i) Bảo đảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ quỹ. Trường hợp mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu vượt quá tám mươi phần trăm (80%) mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ Quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự việc và điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh sự việc, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa;

j) Thực hiện các cam kết của Công ty quản lý quỹ được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

2.10.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

a) Theo Điều 40 Điều lệ Quỹ, Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp:

- Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
- Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, bị giải thể;
- Hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 40 Điều lệ quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 40 Điều lệ quỹ, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản Giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ) theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Điều lệ quỹ.

d) Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ: Trường hợp Quỹ thay đổi Công ty quản lý quỹ theo đề nghị của Ban đại diện quỹ sau khi được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ) như sau:

- Nếu việc thay đổi Công ty quản lý quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường bằng hai phần trăm (2%) Giá trị tài sản ròng trung

bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ;

- Nếu việc thay đổi Công ty quản lý quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá trị tài sản ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ.

2.10.4 Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

a) Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên Hội Đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

b) Công ty quản lý quỹ, nhân viên làm việc tại Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công ty quản lý quỹ sẽ chỉ được phép tham gia góp vốn thành lập, đầu tư, mua hoặc bán chứng chỉ quỹ theo các phương thức quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b, Khoản 5 Điều này.

c) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.

d) Thành viên Hội Đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ.

e) Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;
- Không được sử dụng tài sản ủy thác của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; trừ trường hợp sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều Hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều lệ;

- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

f) Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

g) Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

h) Thông tin, quảng cáo, giới thiệu về Quỹ nếu có nội dung đề cập tới các cơ quan quản lý nhà nước phải thể hiện rõ các cơ quan này chỉ xác nhận tính hợp pháp trong quá trình thành lập và hoạt động của Quỹ, không hàm ý bảo đảm về nội dung thông tin, quảng cáo cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ, không bảo đảm về tài sản của Quỹ, giá trị đơn vị quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro của Quỹ. Tài liệu quảng cáo, giới thiệu về Quỹ không được sử dụng danh nghĩa, biểu tượng, hình ảnh, địa vị, uy tín, thư tín của các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước để quảng cáo, giới thiệu về Quỹ, chào mời mua Chứng chỉ quỹ; không được sử dụng thư cảm ơn của Nhà đầu tư để chào mời mua Chứng chỉ quỹ.

2.11 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát

2.11.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán và Điều 73 Thông tư 98/2020/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời kỳ).

b) Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại.

c) Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.

d) Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.

e) Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

2.11.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Ngân hàng giám sát

2.11.2.1 Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư của Quỹ.

b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng.

c) Bảo đảm thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ.

d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ.

e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ.

f) Bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ. Tổ chức lưu ký phụ ở nước ngoài có quyền tái lưu ký tài sản tại tổ chức lưu ký chứng khoán mà họ là thành viên theo quy định của nước sở tại; tài sản của Quỹ phải được tổ chức lưu ký phụ bảo đảm quyền sở hữu thuộc về Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.

g) Giám sát việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ với tần suất giao dịch hoán đổi hằng ngày, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; kiểm tra, bảo đảm việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác.

h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ; có thể từ chối những chỉ thị đó nếu có cơ sở để tin rằng chỉ thị là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ; việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ.

j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, bảo đảm những khoản chi phí đó phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ.

k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ quỹ, khi Quỹ phân phối thu nhập, khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.

l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng chỉ quỹ đã phát hành, số Chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng Nhà đầu tư, tên, số định danh cá nhân hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quốc tịch, địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư và cập nhật tất cả những thay đổi (nếu có).

m) Xác nhận báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ; thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ; tuân thủ Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

n) Bồi thường thiệt hại cho Quỹ và Nhà đầu tư trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Quỹ và Nhà đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng.

o) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.11.2.2 Quyền của Ngân hàng giám sát

a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

c) Tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán nhưng không có quyền biểu quyết; cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, các cuộc họp Ban đại diện quỹ;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng giám sát được ký giữa các bên.

2.11.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

a) Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi từ cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký Chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ chấp thuận;
- Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 45 Điều lệ quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

2.12 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

2.12.1 Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất Công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
c) Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;
d) Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

2.12.2 Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

2.12.3 Chế độ kế toán và báo cáo

2.12.3.1 Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2.12.3.2 Chế độ báo cáo

Theo Điều 60 Điều lệ Quỹ, Quỹ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2.12.4 Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

Báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính năm được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.

Các báo cáo này được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo. Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi thị trường Chứng khoán có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường, dẫn đến sự sụt giảm mạnh giá trị của Chỉ số tham chiếu. Giá trị tài sản ròng của quỹ cũng sẽ sụt giảm theo tỷ lệ tương đương. Rủi ro này trên diện rộng mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty quản lý quỹ.

Mặc dù không thể loại bỏ hoàn toàn, rủi ro thị trường được giảm thiểu thông qua việc nhận diện và quản trị từng cấu phần rủi ro như rủi ro lạm phát, rủi ro lãi suất, rủi ro biến động giá thị trường, rủi ro tỷ giá, … Khi cần thiết và khả thi, Quỹ có thể điều chỉnh cơ cấu tài sản để phù hợp với điều kiện thị trường nhằm hạn chế tác động bất lợi.

3.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động theo do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung/cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty quản lý quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

3.3 Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro phát sinh khi tỷ suất lợi nhuận danh nghĩa mà Nhà đầu tư nhận được từ việc đầu tư vào Quỹ không theo kịp tốc độ lạm phát của nền kinh tế, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận thực âm, tức là sức mua thực tế của khoản đầu tư bị suy giảm.

Lạm phát tăng cao còn có thể kéo theo việc thắt chặt chính sách tiền tệ, làm tăng mặt bằng lãi suất, tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp, làm giảm lợi nhuận doanh nghiệp và giá cổ phiếu, qua đó tác động tiêu cực đến Chỉ số tham chiếu và Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Biện pháp hạn chế: Công ty quản lý quỹ theo dõi diễn biến lạm phát và các chỉ báo kinh tế vĩ mô trong công tác phân tích, đánh giá; tuy nhiên do đặc thù của quỹ mô phỏng chỉ số, Quỹ không chủ động điều chỉnh danh mục nhằm phòng ngừa lạm phát ngoài phạm vi cho phép của mục tiêu mô phỏng Chỉ số tham chiếu.

3.4 Rủi ro thanh khoản

Mặc dù Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán, Nhà đầu tư nên lưu ý không có gì đảm bảo một thị trường giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF sôi động và thanh khoản cao. Ngoài ra, Chứng chỉ quỹ ETF chỉ được phát hành hoặc mua lại theo lô. Nhà đầu tư không nắm giữ đủ Lô chứng chỉ quỹ chỉ có thể giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán với rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ như dưới đây.

3.5 Rủi ro pháp lý

Thị trường Chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ, tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động Chứng khoán và thị trường Chứng khoán, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công ty Quản lý quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ để chủ động điều chỉnh cho phù hợp.

3.6 Rủi ro tín nhiệm

Rủi ro tín nhiệm (rủi ro tín dụng) là rủi ro tổ chức phát hành, tổ chức nhận tiền gửi hoặc đối tác giao dịch không thể hoặc không thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ của mình đối với phần vốn gốc, lãi hoặc nghĩa vụ thanh toán khác. Đối với Quỹ, rủi ro tín nhiệm bao gồm:

- Rủi ro đối với các khoản tiền gửi và công cụ thị trường tiền tệ: tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, tổ chức phát hành giấy tờ có giá mất khả năng thanh toán;
- Rủi ro đối với công cụ nợ, trái phiếu trong danh mục: tổ chức phát hành không thanh toán được gốc, lãi khi đến hạn hoặc bị suy giảm mức xếp hạng tín nhiệm;
- Rủi ro đối tác trong giao dịch hoán đổi: Thành viên lập quỹ hoặc Nhà đầu tư không chuyển giao đủ Chứng khoán cơ cấu, không thanh toán đủ phần tiền chênh lệch hoặc phần tiền nộp thay thế đúng thời hạn;
- Rủi ro tín nhiệm của tổ chức phát hành cổ phiếu trong Danh mục chứng khoán cơ cấu: doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, bị phá sản, giải thể, làm sụt giảm nghiêm trọng giá trị khoản đầu tư.

Biện pháp hạn chế: Công ty quản lý quỹ chỉ gửi tiền, đầu tư công cụ thị trường tiền tệ tại các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt; tuân thủ các hạn chế đầu tư tại Điều 10 Điều lệ.

3.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty quản lý quỹ điều hành. Công ty quản lý quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập bộ phận quản lý đầu tư riêng biệt cho từng quỹ, cũng như thiết lập các lớp bảo vệ thông tin nội bộ nhằm hạn chế đến mức thấp rủi ro xung đột lợi ích này.

3.8 Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể

Danh mục đầu tư của Quỹ được quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ và điểm c Mục 2.2 Phần IX Bản cáo bạch này. Mỗi loại tài sản mang những rủi ro đặc thù sau:

a) **Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán ra công chúng (Chứng khoán cơ cấu và tài sản khác).** Giá cổ phiếu biến động theo kết quả kinh doanh, triển vọng ngành, chất lượng quản trị doanh nghiệp, cung cầu thị trường và tâm lý nhà đầu tư. Cổ phiếu có thể bị tạm ngừng giao dịch, đưa vào diện cảnh báo/kiểm soát/hạn chế giao dịch hoặc hủy niêm yết. Các sự kiện doanh nghiệp (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phát hành thêm, chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua) có thể làm thay đổi tỷ trọng danh mục và phát sinh chi phí cơ cấu lại danh mục.

b) **Tiền gửi tại ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ.** Chịu rủi ro tín nhiệm của tổ chức tín dụng, rủi ro lãi suất tái đầu tư và rủi ro thanh khoản khi rút trước hạn (có thể không được hưởng lãi suất như cam kết ban đầu).

c) **Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chào bán ra công chúng.** Chịu rủi ro lãi suất (giá trái phiếu biến động ngược chiều với lãi suất thị trường), rủi ro tín nhiệm của tổ chức phát hành và rủi ro thanh khoản khi thị trường thứ cấp trái phiếu kém sôi động.

d) **Chứng chỉ quỹ đại chúng.** Chịu rủi ro của danh mục tài sản cơ sở của quỹ được đầu tư, rủi ro thanh khoản của chứng chỉ quỹ và rủi ro chi phí chồng chi phí (chi phí của quỹ được đầu tư cộng thêm chi phí của Quỹ).

e) **Chứng khoán phái sinh niêm yết.** Theo khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ và khoản 2 Điều 45 Thông tư 98, Quỹ chỉ đầu tư chứng khoán phái sinh nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu. Tuy nhiên, chứng khoán phái sinh có tính đòn bẩy cao; nếu biến động giá của tài sản cơ sở không diễn ra theo dự kiến, hoặc nếu phát sinh sai lệch cơ sở (basis risk) giữa hợp đồng phái sinh và danh mục được phòng ngừa, khoản đầu tư có thể phát sinh lỗ. Quỹ còn chịu rủi ro ký quỹ (phải bổ sung ký quỹ khi thị trường biến động bất lợi) và rủi ro thanh khoản của hợp đồng phái sinh.

f) **Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.** Giá trị của quyền mua, quyền chuyển đổi có thể suy giảm hoặc trở nên vô giá trị nếu giá thị trường của cổ phiếu cơ sở thấp hơn giá thực hiện quyền; việc thực hiện quyền cũng có thể làm phát sinh nhu cầu tiền mặt của Quỹ.

3.9 Rủi ro cá biệt

Ngoài các rủi ro chung nêu trên, việc đầu tư vào Quỹ còn chịu các rủi ro cá biệt gắn với mô hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng chỉ số như sau:

a) **Rủi ro đầu tư thụ động.**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là bám sát lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Công ty quản lý quỹ không chủ động lựa chọn cổ phiếu mà sẽ đầu tư tất cả hoặc phần lớn tài sản của quỹ vào các cổ phiếu trong Chỉ số tham chiếu. Công ty quản lý quỹ sẽ không đưa ra các biện pháp phòng thủ khi thị trường giảm. Chính vì vậy, sự sụt giảm của Chỉ số tham chiếu sẽ kéo theo sụt giảm giá trị của Quỹ bất chấp thị trường chung tốt hay xấu. Biến động chung của thị trường không chắc chắn sẽ tác động đến biến động của Chỉ số tham chiếu hay Giá trị tài sản ròng của quỹ. Do đó, ngay cả khi thị trường trong giai đoạn tăng trưởng mạnh thì ETF cũng có thể không thu được mức lợi nhuận vượt trội chỉ số mà nó mô phỏng.

b) Rủi ro sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (Tracking Error).

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là bám sát biến động của Chỉ số tham chiếu và Công ty quản lý quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt. Khi Chỉ số tham chiếu được xem xét định kỳ, Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành mua/bán cổ phiếu tương ứng để đảm bảo bám sát biến động của chỉ số. Trong thực tế, các yếu tố như các hoạt động chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp hay chia cổ tức/phát hành cổ phiếu thưởng và biến động tính thanh khoản của thị trường, có thể ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu này. Ngoài ra, các chi phí hoạt động của Quỹ hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán Chứng khoán

trong các đợt thay đổi danh mục định kỳ cũng có thể ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu. Bên cạnh đó, Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong Chỉ số tham chiếu do sử dụng phương pháp mô phỏng có chọn lọc. Đây sẽ là những nguyên nhân làm phát sinh mức sai lệch giữa Quỹ và Chỉ số tham chiếu.

c) Rủi ro chênh lệch giữa giá thị trường của Chứng chỉ quỹ ETF và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ (giao dịch thứ cấp).

Khi niêm yết, cũng giống như cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ ETF chịu ảnh hưởng cung và cầu giao dịch trên thị trường. Khi khối lượng đặt mua Chứng chỉ quỹ ETF tăng lên nhanh chóng trong thời gian ngắn, hoặc giảm xuống một cách đáng kể sẽ tạo ra chênh lệch giữa Giá Giao Dịch và Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ. Mặc dù hoạt động hoán đổi trên thị trường sơ cấp của các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư với Quỹ sẽ giúp giảm thiểu chênh lệch này, đây vẫn là rủi ro có thể gây bất lợi cho Nhà đầu tư.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

Việc phát hành lần đầu và giao dịch Chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 các lần tiếp theo được thực hiện trên cơ sở các văn bản pháp luật sau:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi là "Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (sau đây lần lượt gọi là "Thông tư 98" và "Thông tư 136");
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;

- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;
- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;
- Điều lệ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30;
- Quy chế, quy trình nghiệp vụ của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về niêm yết, giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn khác có liên quan.

2. Phương án phát hành lần đầu

Tên quỹ	:	QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 (tên tiếng Anh: TECHCOM CAPITAL VN30 ETF; tên viết tắt: TCC VN30)
Loại hình	:	Quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF), là quỹ đại chúng dạng mở, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán
Thời hạn hoạt động của Quỹ	:	Không giới hạn
Mục tiêu/chiến lược đầu tư	:	Mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ.
Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư	:	Các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề thay đổi tùy theo sự thay đổi danh mục của Chỉ số tham chiếu
Các sản phẩm dự kiến đầu tư	:	Được quy định tại điểm c Mục 2.2 Phần IX Bản cáo bạch này
Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư	:	Trong đợt phát hành lần đầu, Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ góp vốn bằng Chứng khoán cơ cấu; do Quỹ chưa được thành lập và tài sản góp vốn được phong tỏa tại VSDC nên chưa áp dụng quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư. Sau khi Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Quỹ thực hiện quy

		trình kiểm soát rủi ro đầu tư theo Quy trình quản trị rủi ro của Quỹ.
Cơ cấu đầu tư	:	Được quy định tại Mục 2.2.4 Phần IX Bản cáo bạch này
Số lượng/số lô chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán	:	Tối thiểu năm mươi (50) Lô chứng chỉ quỹ, tương ứng 5.000.000 Chứng chỉ quỹ và tổng giá trị vốn huy động tối thiểu 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng) theo khoản 1 Điều 4 Điều lệ Quỹ. Số lượng tối đa: Không giới hạn.
Thời hạn phát hành trong lần phát hành lần đầu	:	Bảo đảm thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư tối thiểu hai mươi (20) ngày và tối đa chín mươi (90) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực.
Thời gian gia hạn phát hành		Trường hợp không hoàn thành việc phân phối trong thời hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ được đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn nhưng không quá ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ quỹ.
Mệnh giá	:	10.000 đồng/Chứng chỉ quỹ
Giá phát hành	:	10.000 đồng/Chứng chỉ quỹ
Giá dịch vụ phát hành	:	0% trên giá trị phát hành của Lô chứng chỉ quỹ
Đơn vị tiền tệ	:	Đồng Việt Nam (VND)
Số lượng đăng ký tối thiểu	:	Tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ, tương ứng 100.000 Chứng chỉ quỹ
Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu	:	Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ ETF và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm. Chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 phát hành lần đầu được phát hành dưới hình thức Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được nhận sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF này với VSDC. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, Công ty quản lý quỹ được gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ theo

		quy định tại Khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư	:	Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng xác nhận quyền sở hữu cho Nhà đầu tư đối với số Chứng chỉ quỹ đã mua và lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.
Phương thức và hình thức thanh toán	:	Phương thức giao dịch: Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu) và chuyển đến Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh. Danh sách địa điểm nhận lệnh của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) của Công ty quản lý quỹ. Phương tiện thanh toán: Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ
Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu	:	Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Quỹ được niêm yết, Công ty quản lý quỹ tổ chức thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF cho Nhà đầu tư.
Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối	:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội. Danh sách Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối và địa điểm nhận lệnh được nêu tại Phần VII Bản cáo bạch và Phụ lục 1 đính kèm Bản cáo bạch này

Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:

Tổ chức phát hành	:	QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30
Đại diện phát hành	:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Ngân hàng giám sát	:	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Công ty kiểm toán dự kiến	:	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối	:	Danh sách các Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này
Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ	:	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng	:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Tổ chức cung cấp chỉ số tham chiếu	:	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Tiêu chí, điều kiện đối với Nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ	:	Theo Điều 15 Điều lệ Quỹ: (i) Nhà đầu tư sở hữu Danh mục chứng khoán cơ cấu đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp Nhà đầu tư được thanh toán bổ sung bằng tiền và/hoặc Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối mua Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư; (ii) Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu; (iii) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi. Đối tượng Nhà đầu tư được quy định tại Điều 13 Điều lệ Quỹ và điểm a Mục 2.3.1 Phần IX Bản cáo bạch này

3. Đăng ký và góp vốn thành lập quỹ

3.1 Giai đoạn đăng ký góp vốn

3.1.1 Thời hạn đăng ký góp vốn

a) Thời hạn đăng ký góp vốn: Là khoảng thời gian theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng của Quỹ các đề nghị đăng ký góp vốn thành lập QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30, trong đó nêu rõ số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đặt mua.

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ công bố bản thông báo chào bán chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các phương tiện truyền thông theo quy định, trong đó có nêu rõ Thời hạn đăng ký góp vốn và danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi dự kiến cho một (01) Lô chứng chỉ quỹ cho đợt chào bán lần đầu ra công chúng.

c) Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi dự kiến này sẽ được Công ty quản lý quỹ cập nhật trong thời hạn đăng ký góp vốn nếu có thay đổi.

3.1.2 Phương thức góp vốn

a) Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đăng ký góp vốn thành lập Quỹ bằng danh mục chứng khoán cơ cấu, bao gồm:

Đối với Thành viên lập quỹ:

- Chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ;
- Chứng khoán đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.

Đối với Nhà đầu tư:

Chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư.

b) Trong một số trường hợp cụ thể dưới đây, Thành viên lập quỹ /Nhà đầu tư có thể thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền:

- Khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu;
- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF;
- Những Mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và Bản cáo bạch này hoặc Mã chứng khoán đó là cổ phiếu quỹ mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật;
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư nước ngoài, không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn; Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có)) phát sinh;

Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện trên. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo số tiền nộp thay thế cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư không muộn hơn ngày góp vốn cuối cùng của đợt chào bán.

c) Trường hợp phát sinh sự kiện doanh nghiệp trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển từ tài khoản Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sang ghi nhận vào tài khoản lưu ký của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30: Trong trường hợp Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cho Quỹ, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ và giá trị được tính như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỉ lệ trả cổ tức.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng (=) số lượng cổ phiếu được trả cổ tức hoặc được thưởng tương ứng với số lượng cổ phiếu hoán đổi nhân (x) với giá đóng cửa các mã cổ phiếu này tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ.
- Đối với quyền mua (khi giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ lớn hơn giá phát hành của

quyền mua cổ phiếu); số tiền cần thanh toán bổ sung trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu mua được từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ và giá phát hành của quyền mua đó.

- Đối với các quyền phát sinh khác: số tiền cần thanh toán bổ sung sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ số tiền cần thanh toán bổ sung nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ có thông báo.

3.1.3 Trình tự thực hiện đăng ký góp vốn

a) Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nơi mở tài khoản giao dịch, trong đó ghi rõ số lượng Lô chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu đặt mua. Mỗi Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ (tương đương với 100.000 chứng chỉ quỹ).

b) Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ từ 8h00 đến 17h00 các ngày làm việc trong thời hạn đăng ký góp vốn. Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác của Giấy đề nghị đăng ký góp vốn.

c) Thời điểm cuối cùng Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận đăng ký góp vốn của Nhà đầu tư là 15h00 ngày làm việc kết thúc thời hạn đăng ký góp vốn.

d) Sửa/hủy Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ: Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có thể sửa/hủy Giấy đề nghị đăng ký góp vốn bằng cách điền vào mẫu Giấy đăng ký sửa/hủy và chuyển về Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư đăng ký góp vốn trước thời điểm kết thúc Thời hạn đăng ký góp vốn.

e) Trong trường hợp việc đăng ký đặt mua Chứng chỉ quỹ vi phạm quy định của pháp luật hiện hành hoặc vi phạm quy định về việc đăng ký mua Chứng chỉ quỹ, Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương có quyền từ chối hoặc chấp thuận (một phần hoặc toàn bộ) số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký mua. Việc hoàn trả chứng khoán hoặc tiền trong trường hợp này (nếu có) sẽ được thực hiện trong vòng 5 ngày làm việc. Phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

3.2 Giai đoạn thực hiện góp vốn thành lập Quỹ

3.2.1 Thời hạn thực hiện góp vốn

a) Thời hạn thực hiện góp vốn là khoảng thời gian Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải gửi hồ sơ đề nghị phong tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn lập quỹ cho Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và nộp tiền (nếu có) vào tài khoản phong tỏa của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 tại Ngân hàng giám sát theo thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ.

b) Thời hạn thực hiện góp vốn sẽ được ghi rõ trong Thông báo phát hành chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 của Công ty quản lý quỹ.

3.2.2 Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức

Trước 09h00 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn, Công ty quản lý quỹ thông báo cho VSDC, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức được xác định trên cơ sở Chỉ số tham chiếu của Ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn; và số tiền phải thanh toán bổ sung tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có).

3.2.3 Tài liệu nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối

Trong Thời hạn thực hiện góp vốn, Nhà đầu tư nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối các tài liệu sau:

1. Giấy đăng ký góp vốn thành lập Quỹ;
2. Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn;
3. Bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn;
4. Văn bản xác nhận số dư của công ty chứng khoán nơi Nhà đầu tư mở tài khoản để góp vốn;
5. Tài liệu xác nhận đã chuyển tiền thanh toán bổ sung vào tài khoản phong tỏa của Quỹ (nếu có).

Đối với các trường hợp thanh toán bổ sung bằng tiền, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải bảo đảm tiền được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát muộn nhất vào 17h00 ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn thực hiện góp vốn.

3.2.4 Các trường hợp phát sinh trong quá trình góp vốn

Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền do những Mã chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Mã chứng khoán đó là cổ phiếu quỹ và Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư nước ngoài, không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sử hữu nước ngoài tối đa để góp vốn:

a) Số tiền tạm góp nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của Mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn.

b) Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán nhân với số lượng Chứng khoán của Mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức.

c) Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện mua hộ các Mã chứng khoán này và thực hiện quyết toán với Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư như sau:

- Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch

Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các Mã chứng khoán này.

- Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua:

(i) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng

(ii) Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư

(iii) Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

(iv) Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải trả lại cho Quỹ.
- Quỹ sẽ phải hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

- Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các Mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại các Mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của Mã chứng khoán tương ứng của các Sở giao dịch Chứng khoán vào ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua cho đủ số lượng các Mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.
- Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị

trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.

- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng Thời hạn đăng ký góp vốn đến hết ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập):

(i) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng

(ii) Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư

(iii) Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

(iv) Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới Chứng khoán và phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mã Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng Mã chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đề cập bên trên) cộng với số tiền mà Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng Mã chứng khoán cơ cấu còn lại.
- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:

(i) Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;

(ii) Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.

- Trường hợp Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh danh mục thành phần của chỉ số VN30 từ ngày cuối cùng thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua hộ, theo đó có một hoặc một số Mã chứng khoán mua hộ bị loại ra khỏi Danh Mục Cơ Cấu của rổ chỉ số VN30:
- Công ty quản lý quỹ không thực hiện mua hộ Nhà đầu tư những Mã chứng khoán này mà sẽ thực hiện quyết toán với Nhà đầu tư theo phương thức do Công ty quản lý quỹ quyết định;
- Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo với Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Danh mục chứng khoán cơ cấu mới được công bố.

3.2.5 Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ

a) Vào 10h00 ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện góp vốn, VSDC sẽ thực hiện kiểm tra số lượng cổ phiếu Chứng khoán cơ cấu đăng ký góp vốn và số tiền góp vốn (nếu có) phù hợp với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đăng ký đặt mua hay không.

b) Vào ngày làm việc thứ 3 kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện góp vốn, VSDC sẽ gửi cho Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ các báo cáo xác nhận giao dịch góp vốn hợp lệ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

c) Trong trường hợp đầy đủ số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn (nếu có) phù hợp với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua, VSDC sẽ phong tỏa Chứng khoán cơ cấu và Ngân hàng giám sát sẽ phong tỏa tiền góp vốn, sau đó sẽ gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.

d) Trong trường hợp Số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn không đủ so với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua:

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chỉ mua được số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền vốn thực tế.
- Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt mua sẽ được VSDC điều chỉnh xuống sao cho tròn lô chứng chỉ quỹ ETF (làm tròn xuống) tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn thực tế. VSDC sẽ thực hiện phong tỏa trên số lượng Chứng khoán cơ cấu thực tế tương ứng với số lô chứng chỉ quỹ ETF đã điều chỉnh và thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.

e) Các giao dịch đăng ký góp vốn không đủ Chứng khoán cơ cấu theo danh mục tương ứng với một Lô chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) hoặc không có hồ sơ đề nghị phong tỏa sẽ được coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.

f) Đối với các giao dịch không hợp lệ, Chứng khoán sẽ duy trì trong tài khoản của Nhà đầu tư và tiền mặt sẽ được chuyển trả vào tài khoản chuyển đến theo thời hạn quy định của pháp luật. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền chuyển trả này.

3.2.6 Phong tỏa và giải tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn

a) Toàn bộ Danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ được VSDC phong tỏa theo đúng danh mục Chứng khoán, tỷ lệ, số lượng Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ.

b) Thời hạn phong tỏa: Từ thời điểm VSDC xác nhận phong tỏa cho đến khi Chứng khoán được chuyển sang tài khoản lưu ký của Quỹ trong trường hợp đợt phát hành thành công hoặc cho đến khi giải tỏa theo thông báo của Công ty quản lý quỹ.

c) Hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện phong toả, giải toả Chứng khoán cơ cấu được thực hiện theo quy định của VSDC.

d) Chứng khoán cơ cấu chỉ được giải tỏa trong trường hợp đợt phát hành không thành công hoặc trong trường hợp đặc biệt của Nhà đầu tư được Công ty quản lý Quỹ xem xét chấp thuận.

3.2.7 Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu

a) Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.

b) Chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 phát hành lần đầu dưới hình thức Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30. Số lượng chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được nhận sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập

quỹ/Nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 này với VSDC.

c) Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, Công ty quản lý quỹ được gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

3.2.8 Đăng ký thành lập Quỹ

Trong thời hạn 10 (mười) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ sẽ gửi UBCKNN hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ.

3.2.9 Trường hợp chào bán không thành công

a) Trường hợp tổng giá trị vốn huy động thấp hơn 50 tỷ đồng trong đợt phát hành lần đầu thì đợt chào bán được coi là không thành công. Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo cho VSDC. Việc giải tỏa Chứng khoán cơ cấu sẽ được VSDC thực hiện ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty quản lý quỹ. Thành viên lập quỹ không phải nộp hồ sơ đề nghị giải tỏa Chứng khoán của VSDC.

b) Trường hợp đợt chào bán không thành công, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ báo cáo UBCKNN đồng thời thực hiện công bố thông tin về việc chào bán không thành công theo quy định. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ phải hoàn trả cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất không kỳ hạn (nếu có) tính từ ngày khoản tiền này được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ không phải thanh toán phí chuyển tiền trong trường hợp này. Công ty quản lý quỹ chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn.

3.3 Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng xác nhận quyền sở hữu cho Nhà đầu tư với số lượng Chứng chỉ quỹ đã mua và lập sổ đăng ký Nhà đầu tư.

b) Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do UBCKNN cấp có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện việc đăng ký Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu với VSDC. Số lô chứng chỉ quỹ mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ sẽ được tự động lưu ký và phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư. Ngày hiệu lực đối với Chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký Chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 của VSDC.

c) Số lượng Chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn đang bị phong tỏa được chuyển từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực; VSDC gửi Thông báo xác nhận chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu cho Công ty quản lý quỹ và các thành viên có liên quan;

d) Việc đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn sang tài khoản của Quỹ ETF thực hiện theo quy định tại quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng chỉ quỹ Giao dịch hoán đổi do VSDC ban hành.

e) Chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn: Số lượng Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dùng để góp vốn lập quỹ đang bị phong tỏa sẽ được chuyển từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 tại Ngân hàng giám sát nơi Công ty quản lý quỹ mở tài khoản và gửi Thông báo xác nhận chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu cho Công ty quản lý quỹ, Thành viên có liên quan.

f) Chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 phát hành lần đầu dưới hình thức Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành sổ/giấy chứng nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ ETF đối với số lượng chứng chỉ phát hành lần đầu này.

3.4 Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho đợt phát hành lần đầu

a) Là Giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải trả khi mua Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành lần đầu và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của một Lô chứng chỉ quỹ.

b) Giá dịch vụ phát hành cho đợt phát hành lần đầu ra công chúng được nêu tại Mục 2 Phần X của Bản cáo bạch.

3.5 Niêm yết chứng chỉ quỹ ETF

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF (Giao dịch sơ cấp)

4.1 Nguyên tắc thực hiện

4.1.1 Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi

Thành viên lập quỹ và các Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện sau:

a) Sở hữu Danh mục chứng khoán cơ cấu đáp ứng đúng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng Chứng khoán trong danh mục theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF; hoặc

b) Sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu.

c) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch Chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

4.1.2 Thời gian giao dịch hoán đổi

a) Tần suất giao dịch hoán đổi (ngày T): hàng ngày (ngày làm việc không bao gồm ngày làm bù).

b) Thời gian giao dịch hoán đổi định kỳ được quy định như sau:

- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (ngày T-1) rơi vào ngày làm việc: thời gian giao dịch là từ 9h30 đến 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (ngày T-1) rơi vào ngày nghỉ, lễ: thời gian giao dịch từ 13h30 đến 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

c) Nếu ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

d) Công ty quản lý quỹ sẽ có thông báo cụ thể khi có sự thay đổi về tần suất, thời gian giao dịch hoán đổi này và các thời điểm liên quan khác.

4.1.3 Thời điểm đóng sổ lệnh

a) Là thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi.

b) Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h40 ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

4.1.4 Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi

Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình, HOSE, VSDC về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn để hoán đổi lấy 01 lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải thanh toán bổ sung tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm: các Mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng Mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày làm việc: Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 9h00 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ: Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 13h00 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

4.1.5 Phương thức giao dịch

a) Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu) và chuyển đến Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Danh sách các địa điểm nhận lệnh của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) của Công ty quản lý quỹ.

b) Trường hợp Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch qua điện thoại, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh.

4.1.6 Phương tiện thanh toán

a) Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Những trường hợp hoán đổi bổ sung một phần bằng tiền bao gồm:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF

- Những Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan hoặc Nhà đầu tư nước ngoài không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

b) Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện nêu trên trước 12h00 ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi để Công ty quản lý quỹ tính toán số tiền nộp thay thế (theo mẫu của Công ty quản lý quỹ). Công ty quản lý quỹ sẽ chủ động công bố Mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ngày giao dịch thuộc diện nêu trên. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được xác định tại ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi.

c) Trong trường hợp Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cho Quỹ ETF trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ ETF với giá trị được tính như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỷ lệ trả cổ tức;
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu nhân với giá đóng cửa của các mã cổ phiếu này tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF.
- Đối với sự kiện chốt quyền mua cổ phiếu (khi giá đóng cửa tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF lớn hơn giá mua): Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu được mua từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF và giá mua.
- Đối với sự kiện chốt quyền mua khác: Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

d) Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ ETF số tiền cần nộp bổ sung nêu trên trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư chịu.

e) Trong trường hợp hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các Lô chứng chỉ quỹ ETF mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu thì phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng chứng chỉ quỹ ETF hoặc tiền mặt vào các tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào ngày T+3, ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi.

4.1.7 Nguồn Chứng khoán hoán đổi

Chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi là các Chứng khoán tự do chuyển nhượng, đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ và được lấy từ các nguồn sau:

- Đối với Thành viên lập quỹ:
- Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi;
- Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi;
- Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ Chứng khoán của Thành viên lập quỹ.
- Đối với Nhà đầu tư:
- Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

4.1.8 Giá giao dịch hoán đổi

Giá giao dịch hoán đổi được xác định như sau:

a) Giá phát hành:

- Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch cộng thêm Giá dịch vụ phát hành (nếu có).
- Mức giá dịch vụ phát hành: 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ

b) Giá mua lại:

- Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu. Giá Mua Lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một (01) Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có).
- Mức giá dịch vụ mua lại áp dụng cho Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ: 0,15% trên giá trị giao dịch của lô Chứng chỉ quỹ

4.1.9 Thời hạn xác nhận giao dịch

Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), Đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo đó Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được chứng chỉ quỹ; và Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký Chứng khoán của mình.

4.2 Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi

4.2.1 Giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30

a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01)

Lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành Lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh mục chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng Mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ;

b) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- Phiếu đặt lệnh giao dịch hoán đổi;
- Bảng kê Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi;
- Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số dư Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết Ngày thanh toán;
- Thông báo Chứng khoán hoán đổi thay thế bằng tiền (nếu có).

Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

c) Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh (bao gồm các tài liệu như quy định ở trên) tại Đại lý phân phối.
- Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà đầu tư và các chứng từ có liên quan đến Thành viên lập quỹ.

d) Trước 12h ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện cần hoán đổi bằng tiền (nếu có). Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư không có thông báo cho Công ty quản lý quỹ về việc phát sinh thêm những Mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền thì Công ty quản lý quỹ sẽ căn cứ trên phiên giao dịch hoán đổi trước đó. Sau đó, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo tới Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi, những Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền, đối tượng áp dụng và số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của từng Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF để Quỹ thực hiện mua đủ số lượng các Mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền.

- Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của Mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn.
- Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán nhân với số lượng Chứng khoán của Mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu.

Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chuyển khoản phần tiền bổ sung của giao dịch hoán đổi vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, đảm bảo khoản tiền này được ghi nhận trên tài khoản của Quỹ trước 11h00 ngày làm việc sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).

Trên cơ sở số tiền tạm nộp thay thế của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ thực hiện mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền tương ứng với tổng số lô ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được phân bổ trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi (T+1).

e) Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1):

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các Mã chứng khoán này.
- Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua:
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
- Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
- Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
- Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác (nếu có).
- Quỹ sẽ phải hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

f) Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm

việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1):

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các Mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại các Mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của Mã chứng khoán tương ứng của các Sở giao dịch Chứng khoán vào ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua cho đủ số lượng các Mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.
- Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.

g) Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ ngày VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư:

- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
- Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
- Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
- Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

h) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới Chứng khoán và phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mã Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng Mã chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đề cập bên trên) cộng với số tiền mà Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng Mã chứng khoán cơ cấu còn lại.

i) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:

- Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;
- Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.

j) Việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF và việc đăng ký và lưu ký chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm được thực hiện theo quy định của VSDC.

k) Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 phát hành thêm tại VSDC đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang quỹ ETF.

4.2.2 Giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 lấy Chứng khoán cơ cấu

a) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 lấy Chứng khoán cơ cấu trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- Phiếu đặt lệnh giao dịch hoán đổi;
- Bảng kê Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi;
- Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của Thành viên lưu ký nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số dư Chứng chỉ quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng chỉ quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán;
- Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

b) Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh (bao gồm các tài liệu như quy định ở trên) tại Đại lý phân phối.
- Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà đầu tư và các chứng từ có liên quan đến Thành viên lập quỹ.

c) Trong trường hợp giá trị các Lô chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư thấp hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cần đảm bảo phần tiền chênh lệch này phải được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước 11h00 của ngày làm việc liền sau Ngày giao dịch hoán đổi (T+1).

d) Trường hợp giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ ETF, phần tiền chênh lệch sẽ được Quỹ ETF hoàn trả lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bằng tiền mặt vào ngày làm việc thứ ba (03) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi.

e) Trường hợp hoán đổi Chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30, số lượng Chứng chỉ quỹ ETF còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

f) Trường hợp QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 không đủ số lượng Chứng khoán của một (01) Mã chứng khoán cơ cấu nào đó để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thì việc hoàn trả Mã chứng khoán cơ cấu này sẽ được thực hiện như sau:

- Trường hợp tổng số lượng của Mã chứng khoán cơ cấu này mà Quỹ hiện có lớn hơn tổng số lượng phải hoàn trả nhưng số lượng Chứng khoán tự do chuyển nhượng trong tài khoản của Quỹ không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả dựa trên số lượng Chứng khoán tự do chuyển nhượng trong tài khoản của Quỹ theo nguyên tắc FIFO đặt lệnh, số lượng còn lại Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sau khi có số lượng

Chứng khoán bị hạn chế được chuyển thành Chứng khoán tự do chuyển trên tài khoản của Quỹ.

- Trường hợp sau khi lấy toàn bộ số lượng hiện có của Mã chứng khoán đó trên tài khoản của Quỹ hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhưng vẫn không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả bằng tiền dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày hoán đổi.
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) cho các giao dịch hoán đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.

g) Việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 sang tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và việc hủy đăng ký, rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại được thực hiện theo quy định của VSDC.

h) Ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 sang Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và ngày hiệu lực rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ đồng thời với ngày hiệu lực hủy đăng ký số chứng chỉ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 mua lại tại VSDC.

4.3 Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ

a) Chậm nhất vào 15h00 ngày làm việc thứ nhất (01) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (T+1), VSDC sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư. Các lệnh không có đủ Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền chênh lệch (nếu có) tại thời điểm VSDC thực hiện kiểm tra sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ và sẽ không được thực hiện. Các lệnh hoán đổi có đủ Chứng chỉ quỹ/Chứng khoán cơ cấu và nộp đủ tiền (nếu có) sẽ được thực hiện.

b) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát sẽ tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền.

c) Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF, và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và Quỹ ETF tại VSDC.

4.4 Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ

Những trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ:

a) Nhà đầu tư gửi lệnh giao dịch hoán đổi cho Đại lý phân phối/Thành viên lập quỹ sau Thời điểm đóng sổ lệnh hoặc lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển tới Đại lý chuyển nhượng sau thời điểm đóng sổ lệnh.

b) Số lượng chứng chỉ quỹ ETF/Chứng khoán cơ cấu dùng để hoán đổi không đủ so với lệnh đặt tại thời điểm VSDC kiểm tra số dư vào ngày T+1.

c) Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ không thanh toán tiền chênh lệch, các loại phí (nếu có) đúng thời hạn.

d) Các Lệnh giao dịch hoán đổi được nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được xem là không hợp lệ và tự động huỷ trong cùng kỳ giao dịch. Nếu Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ muốn thực hiện tiếp các Lệnh giao dịch hoán đổi của mình thì Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải đăng ký giao dịch lại tại kỳ giao dịch kế tiếp và Quỹ sẽ hoàn trả lại khoản tiền chênh lệch thừa (nếu có) cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ trong vòng 03 (ba) Ngày Làm

Việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+3). Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ chịu.

Các lệnh giao dịch không hợp lệ nêu trên sẽ không được thực hiện.

4.5 Các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật

Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ ETF của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dẫn tới các trường hợp sau:

- Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vượt quá tỷ lệ tối đa được phép nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài;
- Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vượt quá 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu trước đó đã có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan;
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.

Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ và yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thực hiện:

a) Trường hợp là Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Nước Ngoài, Công ty quản lý quỹ phải bán số Chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư này;

b) Đối với các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư thuộc trường hợp (b) và (c) ở trên, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần Chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần Chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư này.

c) Ngay khi phát sinh các trường hợp (a), (b) và (c) nêu trên, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng trong trường hợp Công ty quản lý quỹ chưa bán được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

d) Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư quy định tại mục này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần Chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch liên quan tới việc bán phần Chứng khoán này theo quy định của pháp luật liên quan. Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện tính toán phân bổ và thông báo số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán Chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch đối với các lệnh đặt cùng một kỳ giao dịch.

e) Trường hợp là các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đó, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm bán số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành viên lập quỹ/Nhà

đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

f) Nếu phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua trong thời gian Công ty quản lý quỹ chưa thực hiện bán thành công các Chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu trên, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số Chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.
- Trường hợp Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ gửi yêu cầu từ chối thực hiện quyền thì Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện quyết toán ngay theo số lượng chứng khoán thực bán. Phần quyền mua đã được Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ từ chối thực hiện sẽ thuộc về Quỹ và do Quỹ quyết định.
- Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.
- Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán Chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch đối với các lệnh đặt cùng một kỳ giao dịch.
- Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán Chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng Mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở khoản này.

4.6 Sửa, hủy Lệnh giao dịch hoán đổi

- Nhà đầu tư được phép sửa/hủy lệnh trước Thời điểm đóng sổ lệnh và được thực hiện tại Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi theo mẫu cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối.
- Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà đầu tư và thông tin đề nghị sửa, hủy trên Giấy, nếu thông tin chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung thông tin.
- Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối, Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu) cho Đại lý phân phối. Đại lý phân phối kiểm tra thông tin đặt lệnh Nhà đầu tư, chuyển lệnh của Nhà đầu tư đến Thành viên lập quỹ.
- Việc thực hiện điều chỉnh các Lệnh giao dịch hoán đổi sau Thời điểm đóng sổ lệnh chỉ được xem xét xử lý trong trường hợp do lỗi của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối nhập sai số lượng Chứng chỉ quỹ giao dịch của Nhà đầu tư hoặc các nội dung khác theo

quy định vào hệ thống của VSDC. Việc sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn và trong thời hạn quy định của VSDC. Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

4.7 Tạm dừng giao dịch

a) Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- Sở giao dịch chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;
- Tổ chức phát hành của loại chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- Công ty quản lý quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu trong trường hợp mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu đã vượt quá mức sai lệch tối đa được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ;
- Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
- Các trường hợp khác Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

b) Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

c) Thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch. Trường hợp việc tạm dừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ, thời hạn tạm dừng không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ quỹ, mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

e) Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

4.8 Chuyển nhượng phi thương mại

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được thực hiện tương tự như việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký Chứng khoán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành.

4.9 Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của Giao dịch hoán đổi (sơ cấp)

a) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức trong nước hoặc người được ủy quyền, Thành viên lập quỹ thanh toán các khoản tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của quỹ ETF trước thời điểm quy định như trên.

b) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) của Nhà đầu tư nước ngoài vào tài khoản của Quỹ ETF đối với việc thanh toán các khoản phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản này không được chuyển khoản từ "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) theo quy định của pháp luật.

c) Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện khai báo thông tin tài khoản ngân hàng và nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) (nếu là Nhà đầu tư nước ngoài) cho Thành viên lập quỹ tại thời điểm đăng ký giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lần đầu. Quỹ ETF sẽ thực hiện chuyển khoản các khoản tiền phát sinh liên quan đến giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ quỹ ETF vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đã được khai báo trước đây. Thông tin tài khoản ngân hàng sẽ không thay đổi cho đến khi Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ có những chỉ định khác bằng văn bản. Công ty quản lý quỹ sẽ không chịu trách nhiệm nếu tài khoản ngân hàng đã khai báo không phải là "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) (nếu là Nhà đầu tư nước ngoài).

4.10 Đại lý phân phối và địa điểm nhận lệnh

Danh sách các đại lý phân phối và địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF được nêu tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

5.1 Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng

a) Ngày định giá: Giá trị tài sản ròng của QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày định giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

b) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc được quy định tại điểm 5 mục X Bản cáo bạch này.

c) Việc xác định Giá trị tài sản ròng do Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ được ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc.

5.2 Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV)

a) iNAV được xác định trên cơ sở giá thị trường được thực hiện gần nhất của Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

b) iNAV chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và trên hệ thống của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

a) Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá.

b) Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị.

c) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, và làm tròn xuống lấy đến năm (05) số thập phân.

d) Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

e) Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.

f) Phương pháp xác định cụ thể được quy định trong "Sổ Tay Định Giá" do Công ty quản lý quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật, được Ban đại diện quỹ phê duyệt và Phụ lục 4 của Bản cáo bạch này.

5.4 Công bố Giá trị tài sản ròng

a) Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.

b) Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các Giá trị tài sản ròng sẽ được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

6. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết

6.1 Niêm yết chứng chỉ quỹ

Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE. Hồ sơ niêm yết Chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của HOSE.

6.2 Giao dịch Chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các nguyên tắc sau:

a) Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch Chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch Chứng khoán của HOSE và VSDC.

b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE nơi chứng chỉ quỹ ETF được niêm yết.

c) Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán.

d) Thành viên lập quỹ chỉ được bán Chứng chỉ quỹ (bán Chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSDC. Số Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) này bao gồm:

- Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch.
- Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh mục chứng khoán cơ cấu (số Chứng chỉ quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

6.3 Hủy niêm yết Chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:

a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error – TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE từng thời kỳ, trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n}\sqrt{\frac{1}{n-1}\sum_{i=-n}^{-1}(\mathbf{Ri} - \bar{R})^2}$$

Trong đó:

Ri là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của quỹ và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$Ri = \ln\left[\frac{NAV_i}{NAV_{i-1}}\right] - \ln[\frac{Chỉ\ số\ tham\ chiếu_i}{Chỉ\ số\ tham\ chiếu_{i-1}}]$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n}\sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

n = 26; trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

NAV$_i$ là Giá trị tài sản ròng của 1 chứng chỉ quỹ.

b) Không thể xác định được chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số.

c) Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 47 Thông tư số 98/2020/TT-BTC và Điều lệ quỹ.

d) Trường hợp mức sai lệch của Quỹ vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, HOSE; đồng thời công bố thông tin theo quy định trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, ngay sau khi phát sinh sự

việc. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh mức sai lệch vượt quá, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ

Nhà đầu tư tham gia vào Quỹ thông qua một trong hai cách sau:

a) Thực hiện đầu tư qua giao dịch sơ cấp theo quy định chi tiết tại Điểm 4 Mục X Bản cáo bạch này.

b) Thực hiện đầu tư qua giao dịch thứ cấp theo quy định chi tiết tại Điểm 6.2 Mục X của Bản cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán sẽ được Công ty quản lý quỹ công bố và cập nhật định kỳ theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ tại địa chỉ https://www.techcomcapital.com.vn/.

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ

Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ công bố số Lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và chênh lệch so với Ngày giao dịch hoán đổi trước đó. Nhà đầu tư có thể tham khảo thông tin về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ trong báo cáo định kỳ về hoạt động của Quỹ và báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ tại địa chỉ https://www.techcomcapital.com.vn/.

3. Giá dịch vụ

3.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng

3.1.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

a) Giá dịch vụ Quản lý quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30. Giá dịch vụ Quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

b) Giá dịch vụ Quản lý QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 là 0,5% NAV/năm.

c) Tổng Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

d) Công thức tính Giá dịch vụ Quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ (%) Giá dịch vụ quản lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ x NAV tại Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366 ngày).

3.1.2 Giá dịch vụ quản trị quỹ

a) Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF được tính như sau:

b) Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF là: 0,03% NAV/năm
c) Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 VNĐ/tháng
d) Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).
e) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
f) Công thức tính Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm"].

3.1.3 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

a) Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.
b) Mức Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được quy định theo từng thời kỳ. Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
d) Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = "Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của tháng".

3.2 Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký

a) Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Giá dịch vụ Lưu ký: 0,06% NAV/năm.
- Giá dịch vụ Lưu ký tối thiểu (không bao gồm Giá dịch vụ giao dịch Chứng khoán và Giá dịch vụ hoán đổi danh mục): 20.000.000 VNĐ/tháng.
- Giá dịch vụ giám sát: 0,02% NAV/năm.
- Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 5.000.000 VNĐ/tháng.
- Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

b) Tổng số Giá dịch vụ lưu ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.
c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
d) Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch Chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm"].

3.3 Các loại giá dịch vụ khác

3.3.1 Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

a) Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

b) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

d) Công thức tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá cung cấp dịch vụ tối thiểu theo năm" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong năm"] và [Tỷ lệ % giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm"].

e) NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là NAV được tính tại từng ngày định giá, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ. Đối với những ngày nghỉ, ngày lễ, NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là NAV của ngày định giá liền ngay sau đó. NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là "NAV trước phí". Tức là giá trị NAV trước khi trừ đi các loại phí được tính theo tỉ lệ % dựa trên NAV. Cụ thể:

NAV (dùng để tính Tiền dịch vụ) = Tổng tài sản – Tổng phải trả - Các chi phí cố định (không lệ thuộc vào giá trị NAV).

3.3.2 **Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (TE)**

a) Giá dịch vụ nêu tại khoản này là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

b) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

c) Công thức tính Giá dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu theo năm" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm"].

3.4 Các thông tin khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho Công ty Chứng khoán và các bên khác;

b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;

c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;

d) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
e) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
f) Chi phí liên quan đến việc thuế các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
g) Thù lao cho Ban đại diện quỹ;
h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
i) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
j) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
k) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật;
l) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Do Quỹ mới thành lập và chưa đi vào hoạt động tại thời điểm lập Bản cáo bạch này, **các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ chưa phát sinh**. Các chỉ tiêu này sẽ được xác định, công bố theo quy định của pháp luật và được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung. Dưới đây là các nguyên tắc và công thức xác định.

4.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

a) Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:

- Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;
- Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
- Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;
- Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán các thông tin của quỹ (iNAV, TE,...);
- Chi phí trả cho thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường;
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;

b) Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

c) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác

định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động x 365 ngày x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các Ngày định giá trong kỳ đó chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

4.2 Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

a) Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ ETF xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{\text{(Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 100\%}}{\text{2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

b) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{\text{(Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 365 x 100\%}}{\text{2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

5.1 Các khoản thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

a) Cổ tức;
b) Lãi trái phiếu;
c) Lãi tiền gửi;
d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
e) Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

5.2 Kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận

a) Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
b) Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của pháp luật.

c) Việc chi trả lợi tức của Quỹ bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định của pháp luật;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

d) Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

e) Nhà đầu tư có trong Danh sách Nhà đầu tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công ty quản lý quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm ngày chốt danh sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

f) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chi trả ngay cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của Công ty quản lý quỹ. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

g) Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- Hình thức phân chia lợi nhuận;
- Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ quỹ).

6. Dự báo kế quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và cơ hội đầu tư trong Bản cáo bạch này chỉ mang tính tham khảo không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ và việc đầu tư vào Quỹ không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời hoặc bảo đảm khả năng thu hồi vốn.

7. Chính sách thuế

Nhà đầu tư trong quá trình giao dịch Chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

Do các quy định về thuế được áp dụng khác nhau cho từng cá nhân, pháp nhân cụ thể, Nhà đầu tư cụ thể, các Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp của mình đối với các nghĩa vụ thuế cụ thể và những vấn đề về tài chính liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

Việc áp dụng chính sách thuế đối với Quỹ được thực hiện theo quy định pháp luật thuế hiện hành và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền tại từng thời điểm.

8. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Báo cáo hoạt động của Quỹ sẽ được công bố định kỳ theo quy định của pháp luật. Các báo cáo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ tại địa chỉ: https://www.techcomcapital.com.vn/.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Để hạn chế những xung đột lợi ích giữa QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 và các quỹ ủy thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ, hạn chế xung đột lợi ích giữa QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 và Công ty quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
b) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.
c) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương và pháp luật hiện hành;
d) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

a) Việc công bố thông tin của Quỹ được thực hiện qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
- Trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ; hoặc
- Trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Thành viên lập quỹ thống kê giao dịch và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ nếu được yêu cầu. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Thành viên lập quỹ.

c) Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:
- Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và năm;
- Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và năm;
- Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ hàng tháng, quý, bán niên và năm.

d) Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở giao dịch Chứng khoán các thông tin sau:
- Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;
- Số Lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu

tư; chênh lệch so với Ngày giao dịch hoán đổi trước đó;
- Thông tin về khối lượng Chứng chỉ quỹ ETF niêm yết, giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán; thông tin về biến động giá giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF, giá đóng cửa cuối ngày của Chứng chỉ quỹ ETF, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;
- Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng Trên Một Chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động Giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; Chỉ số tham chiếu và biến động của Chỉ số tham chiếu;
- Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);
- Sai lệch của cơ cấu đầu tư và việc điều chỉnh lại danh mục chứng khoán cơ cấu đầu tư (nếu có);
- Việc định giá sai Giá trị tài sản ròng của quỹ (nếu có);
- Giải thể Quỹ (nếu có);
- Thay thế Ngân hàng giám sát (nếu có);
- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);
- Các thông tin khác nếu có liên quan (nếu có).

e) Định kỳ hàng tuần, Công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (Tracking Error - TE).

f) Định kỳ sáu (06) tháng, cả năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty các nội dung sau:
- Thông tin về hiệu quả hoạt động của Quỹ ETF so với Chỉ số tham chiếu (nếu có);
- Thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);
- Tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ ETF. Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.

g) Trong hoạt động giao dịch chứng khoán, Quỹ ETF phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán của Bộ Tài Chính, trừ các giao dịch hoán đổi với Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Mọi yêu cầu hỗ trợ của Nhà đầu tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của Techcom Capital hoặc các Thành viên lập quỹ trong giờ làm việc.

Techcom Capital sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của Nhà đầu tư qua số điện thoại (024) 39446368 hoặc gửi email tới địa chỉ info@techcomcapital.com.vn.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ

Phụ lục 1 – Danh sách Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối

Phụ lục 2 – Hướng dẫn nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ ETF

2. Phiếu đăng ký mua/bán chứng chỉ quỹ

Phụ lục 3 – Các biểu mẫu giao dịch chứng chỉ quỹ

3. Địa chỉ các nơi Bản cáo bạch được cung cấp

Bản cáo bạch và Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ được cung cấp miễn phí tại:

Nơi cung cấp	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội; trang thông tin điện tử https://www.techcomcapital.com.vn/
Các Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối	Theo danh sách và địa điểm phân phối nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Bản cáo bạch này
Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

4. Phụ lục 4 – Phương pháp xác định giá trị tài sản của Quỹ

5. Dự thảo Điều lệ Quỹ đầu tư

Phụ lục 5 – Dự thảo Điều lệ QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 được xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 98, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 136, kèm theo:

- Phụ lục 01: Cam kết của Công ty quản lý quỹ;
- Phụ lục 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát;
- Phụ lục 3: Cam kết chung của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thanh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN XUÂN MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC CTCP QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phí Tuấn Thành

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

1. Danh sách các Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối

1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 38233299 Fax: (028) 38233301
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 11/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/4/2003
- Các địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ:

  Trụ sở chính: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

  Điện thoại: (028) 38233299 Fax: (028) 38233301

1.2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

- Trụ sở chính: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (+84) 24 3944 6368 Fax: (+84) 24 3944 6583
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 125/GP-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 30/05/2018 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
- Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

  Trụ sở chính: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

2. Danh sách các Đại lý phân phối khác

Danh sách đại lý phân phối được cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử https://www.techcomcapital.com.vn/

PHỤ LỤC 2
THÔNG TIN HƯỚNG DẪN THAM GIA ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

I. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ĐỊNH KỲ (SƠ CẤP)

Bước 1: Nghiên cứu các tài liệu Quỹ

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30, Nhà đầu tư cần hiểu rõ các đặc trưng của Quỹ như loại hình hoạt động, mục tiêu đầu tư, đặc tính rủi ro, phương thức giao dịch,... Nhà đầu tư có thể xem trong Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ,...

Bước 2: Mở tài khoản chứng khoán tại Thành viên lập quỹ (AP)

Nhà đầu tư chưa có tài khoản chứng khoán tại Thành viên lập quỹ thì cần mở tài khoản chứng khoán tại 01 (một) Thành viên lập quỹ. Danh sách Thành viên lập quỹ vui lòng xem tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch.

Bước 3: Nộp lệnh giao dịch hoán đổi tại AP

Nhà đầu tư (cá nhân/tổ chức) cần có sở hữu chứng khoán và đáp ứng đầy đủ như trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi nếu muốn đổi lấy Lô ETF TECHCOM CAPITAL VN30.

Trường hợp Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư Mã chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định của pháp luật thì Nhà đầu tư cần gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ trước 12h00 ngày liền trước ngày hoán đổi (ngày T – 1).

Trước 9h00 sáng ngày hoán đổi (ngày T), Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên website và các phương tiện truyền thông khác về Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị một Lô chứng chỉ quỹ dùng để hoán đổi.

Nhà đầu tư hoàn tất hồ sơ hoán đổi và gửi đến Thành viên lập quỹ nơi mà Nhà đầu tư có tài khoản trước 14h40 ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

Bước 4: Xác nhận kết quả giao dịch

Sau khi nhận được các lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư thông qua Thành viên lập quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (VSDC) sẽ kiểm tra và thực hiện các giao dịch hoán đổi mà Nhà đầu tư đã đăng ký.

Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch cho Công ty quản lý quỹ.

Chứng chỉ quỹ ETF hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu sẽ được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư.

Tiền chênh lệch nếu có sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư đã đăng ký với Thành viên lập quỹ.

(*) Lưu ý những trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền do:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị một Lô chứng chỉ quỹ.
- Những Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư phải đảm bảo tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 trước 14h00 ngày làm việc liền sau ngày hoán đổi (T+1).

Trong trường hợp Quỹ ETF phải thanh toán phần chênh lệch bằng tiền cho Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ thì ngân hàng giám sát sẽ hoàn trả vào ngày làm việc thứ ba kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+3).

Quy trình và thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi được nêu chi tiết trong mục "Giao dịch hoán đổi sơ cấp" tại Bản cáo bạch của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30.

Thông tin thanh toán

Việc thanh toán các khoản bằng tiền (nếu có) sẽ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản phong tỏa Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam, chi tiết như sau:

Tên người thụ hưởng:	Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30
Số tài khoản:	Sẽ thông báo trên website của Công ty quản lý quỹ
Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Số tiền nộp:	.....
Nội dung:	[Tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch chứng khoán] chuyển cho Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30

Nhà đầu tư vui lòng đọc kỹ chi tiết cách thức giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30 tại Bản cáo bạch trước khi tiến hành giao dịch.

II. GIAO DỊCH THỨ CẤP THÔNG QUA HOSE

Bước 1: Nghiên cứu tài liệu và mở tài khoản chứng khoán

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN30, Nhà đầu tư nên hiểu rõ về Quỹ thông qua các tài liệu như Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ,... có tại website: https://www.techcomcapital.com.vn/

Nhà đầu tư cần mở tài khoản chứng khoán tại công ty chứng khoán (nếu chưa có) để có thể đặt lệnh giao dịch.

Bước 2: Thực hiện giao dịch

Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch mua hoặc bán mã chứng chỉ quỹ (sẽ được cung cấp sau khi Quỹ được cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoàn thành thủ tục cấp Mã chứng khoán tại VSDC) qua các tài khoản chứng khoán của mình.

Nhà đầu tư sẽ giao dịch theo giá được niêm yết trên HOSE theo các quy định khớp lệnh của Sở giao dịch.

Bước 3: Xác nhận giao dịch

Nhà đầu tư sẽ nhận được thông báo kết quả giao dịch từ Công ty chứng khoán sau khi khớp lệnh.

Chu kỳ tiền và chứng chỉ quỹ về tài khoản của Nhà đầu tư sẽ tương tự với chứng khoán niêm yết thông thường và theo quy định của VSDC.

(*) Lưu ý: Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ (margin) và cho các hoạt động khác phù hợp với quy định pháp luật về chứng khoán.

PHỤ LỤC 3
CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

STT	Tên Biểu mẫu
1	Giấy đăng ký góp vốn lập Quỹ ETF trong giai đoạn IPO
2	Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn
3	Bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn
4	Văn bản đề nghị xác nhận chứng khoán (để thực hiện góp vốn lập Quỹ ETF)
5	Giấy đề nghị điều chỉnh và hủy lệnh giao dịch hoán đổi
6	Lệnh giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF (kèm theo bảng kê chứng khoán cơ cấu và bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng khoán cơ cấu)
7	Văn bản xác nhận số dư chứng khoán để thực hiện giao dịch hoán đổi mua Chứng chỉ quỹ ETF
8	Lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu (kèm theo bảng kê chứng chỉ quỹ ETF và văn bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng chỉ quỹ)

GIẤY ĐĂNG KÝ GÓP VỐN LẬP QUỸ ETF TRONG GIAI ĐOẠN IPO

REGISTRATION FOR ETF CREATION ORDER DURING IPO

Kính gửi: **- Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**

To: *Authorized Participant/Distributor*

- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/*INVESTOR DETAILS*

Họ và tên Nhà đầu tư *Full name of Investor*	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch *Business License No./Identification No./Trading Code*	
Ngày cấp *Issuing Date*	**Nơi cấp** *Issuing Place*
Quốc tịch *Nationality*	**Số điện thoại** *Phone Number*
Số tài khoản lưu ký *Depository account number*	
Địa chỉ liên hệ *Contact address*	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại khoản tiền chênh lệch hoặc trường hợp giao dịch không hợp lệ hoặc đợt chào bán không thành công.

In case the creation request is invalid or the Initial Public Offering (IPO) is not successful, the Cash Component shall be refunded to Investor's account with details as below

Tên chủ tài khoản *Bank account name*	
Số tài khoản *Bank account number*	**Tại ngân hàng** *Bank name*
Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) *Branch (Province/City)*	

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/*CREATION REQUEST DETAILS*

Căn cứ vào Thông báo về việc chào bán chứng chỉ quỹ ETF lần đầu để lập Quỹ ETF của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương, Tôi/Chúng tôi đăng ký đặt mua số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu để lập Quỹ ETF như sau:

Pursuant to the IPO Announcement of ETF managed by TECHCOM CAPITAL, I/We would like to register to purchase ETF Creation Units as below:

Mã CCQ ETF *ETF Code*	**Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua** *Number of ETF Creation Units registered for creation*

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy định về việc đăng ký góp vốn và thực hiện góp vốn lập Quỹ tại Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ và hướng dẫn của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương.

I am/We are committed to comply with all the regulations of contribution registration and establishment of Fund as stipulated in the Prospectus, Fund Charter, and guidelines from TECHCOM CAPITAL.

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.
I/We shall take full responsibility for our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/*Date:* ...../...../.....
(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/*AUTHORISE PARTICIPANT DETAILS*

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ
Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh *Order receiver* **(Ký, ghi rõ họ tên)** *(Sign, full name)*	**Nhân viên kiểm soát** *Supervisory officer* **(Ký, ghi rõ họ tên)** *(Sign, full name)*	**Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ** *Authorised representative of Authorised Participant* **(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)** *(Sign, stamp, full name)*

Mẫu 07A/ETF

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHONG TỎA VÀ CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN

(Áp dụng cho Nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức)

Kính gửi: - Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối

- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Tên Tôi/Chúng tôi là:

Số ĐKSH: **Ngày cấp:** **Nơi cấp:**

Quốc tịch:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Căn cứ vào thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ ETF lần đầu để lập Quỹ ETF của Công ty quản lý quỹ, Tôi/Chúng tôi đã đăng ký đặt mua số lượng Chứng chỉ quỹ ETF như sau:

Stt	Mã ETF	Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua

Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Thành viên và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa số chứng khoán trên các tài khoản lưu ký của Tôi/Chúng tôi đã nêu tại Bảng kê chứng khoán cơ cấu góp vốn gửi đính kèm Giấy này theo đúng quy định để lập quỹ. Khi đợt phát hành thành công, đề nghị Quý Thành viên và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chủ động chuyển quyền sở hữu số chứng khoán cơ cấu góp vốn của tôi cho Quỹ ETF nêu trên và chuyển các chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi đặt mua vào tài khoản lưu ký của tôi như sau:

- Họ tên nhà đầu tư

- Số ĐKSH: **Ngày cấp:**

- Số tài khoản lưu ký:

- Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản

Tôi/Chúng tôi cam kết số chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện đang bị tranh chấp (văn bản xác nhận của Thành viên nơi tôi/Chúng tôi mở tài khoản đính kèm)

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

…., ngày…tháng…năm….

Người đề nghị

(Họ tên, chữ ký, con dấu)

Mẫu 07B/ETF

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN

(Đính kèm Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn)

Stt	Danh mục chứng khoán cơ cấu cần góp vốn tương ứng theo số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua		Thông tin về số lượng chứng khoán và tài khoản sử dụng để góp vốn	
	Mã CK	Số lượng	Thành viên	
1	Mã CK 1	500	300	001CXXXX
2	Mã CK 2	1500		
	.....			

Các chứng khoán cơ cấu trong danh mục được góp thay thế bằng tiền (nếu có):

Stt	Mã chứng khoán	Số lượng	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Tổng giá trị tiền góp thay thế	Lý do được góp thay thế bằng tiền

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn:

Tiền chênh lệch:

Số chứng khoán nêu trên được sử dụng để góp vốn thành lập Quỹ ETF [Tên Quỹ ETF] và được đề nghị phong tỏa trong thời gian thực hiện thủ tục phong tỏa góp vốn lập quỹ ETF cho đến khi có thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam giải tỏa hoặc chuyển quyền sở hữu số chứng khoán này. Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng danh mục chứng khoán được xác nhận phong tỏa này theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu sử dụng sai mục đích.

…., ngày…tháng…năm….

Chủ tài khoản

(Họ tên, chữ ký, con dấu)

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản có số dư chứng khoán trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản.

……ngày….tháng….năm….

Tổng Giám đốc

(Chữ ký, Họ tên, con dấu)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN
(ĐỂ THỰC HIỆN GÓP VỐN LẬP QUỸ ETF)
SECURITIES CONFIRMATION REQUEST
(TO SUBSCRIBE FOR ETF CREATION UNITS)

Kính gửi/To: **Thành viên lưu ký**/*Depository Member*

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/*INVESTOR DETAILS*

Họ và tên Nhà đầu tư *Full name of Investor*	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch *Business License No./Identification No./Trading Code*	
Ngày cấp *Issuing Date*	**Nơi cấp** *Issuing Place*
Quốc tịch *Nationality*	**Số điện thoại** *Phone Number*
Số tài khoản lưu ký *Depository account number*	
Địa chỉ liên hệ *Contact address*	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/*CONFIRMATION DETAILS*

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh sách đính kèm.

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable securities in my/our Depository Account as attached.

Mục đích đề nghị xác nhận: Bổ túc hồ sơ phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF.

Purpose of request: To complete ETF IPO participation documents.

Thời gian phong tỏa: Trong thời gian thực hiện thủ tục phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF cho đến khi có Thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam giải tỏa hoặc chuyển quyền sở hữu số chứng khoán này.

Time of freezing: Until the time of receiving the notice of releasing or transferring the securities ownership from Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/*DECLARATION AND CONFIRMATION*

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.

I/We commit to using this certified document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ
DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION

Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản đã có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản

I/We confirm the account holder has sufficient balance of securities as described above and we have frozen the account according to the request of the account holder.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/*date*.....
(dd/mm/yyyy)

Đại diện có thẩm quyền
Authorised Representative
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/*date*.....
(dd/mm/yyyy)

STT	Mã chứng khoán	Số lượng
1	...	
2	...	

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY/SỬA GIAO DỊCH
MODIFICATION/CANCELLATION REQUEST

Kính gửi: **- Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To: *Authorized Participant/Distributor*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/*INVESTOR DETAILS*

Họ và tên Nhà đầu tư *Full name of Investor*	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch *Business License No./Identification No./Trading Code*	
Ngày cấp *Issuing Date*	**Nơi cấp** *Issuing Place*
Quốc tịch *Nationality*	**Số điện thoại** *Phone Number*
Số tài khoản lưu ký *Depository account number*	
Địa chỉ liên hệ *Contact address*	

II. THÔNG TIN HỦY/ĐIỀU CHỈNH LỆNH/*CANCELLATION/MODIFICATION DETAILS*

Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Đơn vị sửa/hủy lệnh giao dịch cho

I/We request to modify/cancel the trading order for

- Giai đoạn IPO/*IPO period*

- Kỳ giao dịch hoán đổi ngày ...../...../.....

Trading date as of

Cụ thể như sau

Detail as

Mã ETF *ETF Code*	**Loại lệnh** *Type of Request*	**Thông tin lệnh ban đầu** *Information of original request* **Số lượng đặt lệnh** *Quantity*	**Thông tin lệnh điều chỉnh** *Information of modified request* **Số lượng đặt lệnh** *Quantity*	**Lý do điều chỉnh** *Reason of modification*

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trên. Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Đơn vị điều chỉnh lệnh đặt mua/bán theo yêu cầu của Tôi/Chúng tôi.

I/We hereby declare that all information given in this form is true and accurate. I/We propose that the Authorized Participant shall modify my/our creation/redemption request.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/*Date:* ...../...../.....
(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/*AUTHORISED PARTICIPANT DETAILS*

Xác nhận của TVLQ/ĐLPP Đồng ý cho Nhà đầu tư/TVLQ điều chỉnh/hủy lệnh giao dịch:
Authorized Participant/Distributors confirm for Investors/AP to modify/cancel the request

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ
Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh *Order receiver* **(Ký, ghi rõ họ tên)** *(Sign, full name)*	**Nhân viên kiểm soát** *Supervisory officer* **(Ký, ghi rõ họ tên)** *(Sign, full name)*	**Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ** *Authorised representative of Authorised Participant* **(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)** *(Sign, stamp, full name)*

LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU LẤY LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

CREATION ORDER OF EXCHANGING COMPONENT SECURITIES FOR ETF CREATION UNITS

Kính gửi: **- Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To: *Authorized Participant/Distributor*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/*INVESTOR DETAILS*

Họ và tên Nhà đầu tư *Full name of Investor*	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch *Business License No./Identification No./Trading Code*	
Ngày cấp *Issuing Date*	**Nơi cấp** *Issuing Place*
Quốc tịch *Nationality*	**Số điện thoại** *Phone Number*
Số tài khoản lưu ký *Depository account number*	
Địa chỉ liên hệ *Contact address*	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc trong trường hợp số tiền Nhà đầu tư góp thay thế bằng số tiền lớn hơn số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chỉ ra để mua các Mã chứng khoán hạn chế:

In case that value of Component Securities is higher than the Net Asset Value of a Creation Unit or if the cash contribution amount is higher than the actual purchasing cost of stocks which Investor is limited to buy, the different amount shall be refunded to Investor's account as follows:

Tên chủ tài khoản *Bank account name*	
Số tài khoản *Bank account number*	**Tại ngân hàng** *Bank name*
Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) *Branch (Province/City)*	

II. THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/*EXCHANGE DETAILS*

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF như sau:

I/We register to exchange Component Securities for ETF Creation Units as follows:

Mã ETF *ETF Code*	**Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua** *Number of ETF Creation Units registered for creation*

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số chứng khoán trên (các) tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại "Bảng kê chứng khoán cơ cấu hoán đổi" đính kèm theo lệnh hoán đổi này.

I/We request the Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to freeze Component Securities in my/our depository account(s) mentioned in the "List Of Component Securities" form as attached.

Tôi/Chúng tôi cam kết số Chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tôi/Chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện đang bị tranh chấp và không bị cầm cố, thế chấp hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I/We commit that the Component Securities which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chuyển khoản số lượng Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSDC to transfer automatically the ETF Units that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư *Full name of Investor*
Số tài khoản lưu ký *Securities Depository Account*
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản *Depository Member*

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/*DECLARATION AND CONFIRMATION*

Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc và chấp nhận các quy định trong Bản cáo bạch liên quan đến việc nộp bổ sung cho Quỹ ETF các khoản tiền trong trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng khoán cơ cấu có sự kiện doanh nghiệp phát sinh mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi.

I/We confirm that we have read and accepted all the terms in the prospectus regarding the commitment to transfer additional cash to ETF in case the securities in Basket Component Securities have corporate actions but ETF can not record due to the transfer of ownership has not been completed in the exchange transaction period.

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.
I/We shall take full responsibility for my/our above request.

(dd/mm/yyyy)
NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/*Date:* ...../...../.....
(dd/mm/yyyy)

IV. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/*AUTHORISED PARTICIPANT'S DETAILS*
TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ
Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh	**Nhân viên kiểm soát**	**Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ**
Order receiver	*Supervisory officer*	*Authorised representative of Authorised Participant*
(Ký, ghi rõ họ tên)	**(Ký, ghi rõ họ tên)**	**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**
(Sign, full name)	*(Sign, full name)*	*(Sign, stamp, full name)*

Mẫu 07D/ETF

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG KHOÁN

(để thực hiện việc giao dịch hoán đổi)

Kính gửi: - Thành viên lưu ký

- Tên Tôi/Chúng tôi là:

- Số ĐKSH: **Ngày cấp:** **Nơi cấp:**

- Quốc tịch:

- Địa chỉ liên hệ:

- Số điện thoại:

- Số tài khoản lưu ký:

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên tài khoản lưu ký nêu trên của Tôi/Chúng tôi theo danh mục sau:

Stt	Mã CK	Số lượng
1	Mã CK1	...
2	Mã CK 2	...
3	Mã CK 3	...

- Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa để thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF như sau:

+ Mã CCQ:

+ Ngày giao dịch hoán đổi:

+ Ngày thanh toán:

- Thời gian phong tỏa: Từ ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu sử dụng sai mục đích.

....., ngày...tháng...năm....

CHỦ TÀI KHOẢN

(Họ tên, chữ ký, con dấu)

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản.

.....ngày....tháng....năm....

Tổng Giám đốc

(Chữ ký, Họ tên, con dấu)

LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF LẤY CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
REDEMPTION ORDER EXCHANGING ETF CREATION UNITS

Kính gửi: **- Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To: *Authorized Participant/Distributor*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/*INVESTOR DETAILS*

Họ và tên Nhà đầu tư *Full name of Investor*	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch *Business License No./Identification No./Trading Code*	
Ngày cấp *Issuing Date*	**Nơi cấp** *Issuing Place*
Quốc tịch *Nationality*	**Số điện thoại** *Phone Number*
Số tài khoản lưu ký *Depository account number*	
Địa chỉ liên hệ *Contact address*	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc tiền bán từ chứng khoán bị giữ lại do vượt hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật.

In case that the Net Asset Value of ETF Creation Units is higher than the value of Component Securities or in the case of selling securities that investor is limited to hold, the cash amount incurred shall be transferred to investor's account with details as follows:

Tên chủ tài khoản *Bank account name*	
Số tài khoản *Bank account number*	**Tại ngân hàng** *Bank name*
Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) *Branch (Province/City)*	

II. THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/*EXCHANGE DETAILS*

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu như sau:

I/We register to exchange ETF Creation Units for Component Securities as follows

Mã CCQ ETF *ETF Code*	Ngày giao dịch hoán đổi *Exchange Transaction Date*	Ngày thanh toán *Settlement Date*

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số Lô chứng chỉ quỹ ETF trên (các) Tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại "Bảng kê Chứng chỉ quỹ ETF" đính kèm lệnh hoán đổi này.

I/We request the Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to freeze ETF Creation Units in my/our Depository Account(s) mentioned in the "List of ETF Creation Units" form as attached.

Chúng tôi cam kết số Chứng Chỉ Quỹ dùng để hoán đổi này thuộc toàn quyền sở hữu hợp pháp của chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện tranh chấp, cầm cố, thế chấp hay bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I/We commit that the Component Securities which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chuyển khoản số lượng Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSDC to transfer automatically the ETF Units that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư *Full name of Investor*
Số tài khoản lưu ký *Securities Depository Account*
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản *Depository Member*

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/*Date:* ...../...../.....
(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/*AUTHORISE PARTICIPANT DETAILS*

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ
Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh *Order receiver* **(Ký, ghi rõ họ tên)** *(Sign, full name)*	**Nhân viên kiểm soát** *Supervisory officer* **(Ký, ghi rõ họ tên)** *(Sign, full name)*	**Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ** *Authorised representative of Authorised Participant* **(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)** *(Sign, stamp, full name)*

VĂN BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
(ĐỂ THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI)
ETF CREATION UNITS CONFIRMATION REQUEST
(TO EXCHANGE FOR COMPONENT SECURITIES)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/*INVESTOR DETAILS*

Họ và tên Nhà đầu tư *Full name of Investor*	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch *Business License No./Identification No./Trading Code*	
Ngày cấp *Issuing Date*	**Nơi cấp** *Issuing Place*
Quốc tịch *Nationality*	**Số điện thoại** *Phone Number*
Số tài khoản lưu ký *Depository account number*	
Địa chỉ liên hệ *Contact address*	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/*CONFIRMATION DETAILS*

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh mục sau:

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable ETF Units in my/our Depository Account as follows:

Mã ETF *ETF Code*	**Số lượng Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký** *Number of transferable ETF Units in Depository Account*

Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa để thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Chứng khoán cơ cấu như sau:

Purpose: Freezing the ETF Units to exchange for Component Securities as follows:

Mã CCQ ETF *ETF Code*	**Ngày giao dịch hoán đổi** *Exchange Transaction Date*	**Ngày thanh toán** *Settlement Date*

Thời gian phong tỏa: Từ ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.

Time of freezing: From exchange transaction date to settlement date

II. CAM KẾT XÁC NHẬN/*DECLARATION AND CONFIRMATION*

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.

I/We commit to use this certified document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION

Chúng tôi tại đây xác nhận rằng Chủ tài khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản. Các chứng khoán này đều thuộc loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện bị tranh chấp hay đảm bảo bất kỳ nghĩa vụ nào và đã được phong tỏa theo yêu cầu của Chủ tài khoản.

I/We hereby confirm that the Account Holder has sufficient balance of securities as described in the attached table and such securities are transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability and have been frozen according to the request of Account Holder.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/*date*.....
(dd/mm/yyyy)

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
Authorised Representative
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/*date*.....
(dd/mm/yyyy)

PHỤ LỤC 4
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VN30

SỔ TAY ĐỊNH GIÁ

I. Các nguyên tắc chung của việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ

Việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Định giá tài sản trên nguyên tắc định giá thị trường, phản ánh sát nhất với giá trị của các tài sản và khả năng thực hiện các giao dịch của Quỹ.
- Việc định giá phải đảm bảo được thực hiện theo các quy định, quy trình, nguyên tắc, phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thị trường của Việt Nam.
- Việc thay đổi nguyên tắc, phương pháp định giá để phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam sẽ được TCC đề xuất để cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua.

II. Lựa chọn các tổ chức báo giá

- Khi phát sinh, công ty quản lý quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá trong các trường hợp tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
- Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

- Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:

- Tổ chức đang báo giá không còn khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
- Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

III. **Phương pháp xác định giá trị tài sản**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		

5.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	• Giá thị trường là giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;
		• Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động lớn (*) thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:
		  • Giá mua cộng lãi lũy kế;
		  • Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
		• Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi luỹ kế
		
		Ghi chú:
		(*) Giá thị trường có biến động lớn được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương) và biến động tăng hoặc giảm từ 5% trở lên (đối với trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.

6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. ***Ghi chú:*** *(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.*
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng

		để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá.
11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
Chứng chỉ Quỹ		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng

		khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; + Giá mua;
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; - Giá mua;
Chứng khoán phái sinh		
17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
18.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Chứng quyền có bảo đảm		
19.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách

Các tài sản khác		
20.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
21.	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.
22.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước Ngày Định Giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một Cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;*
- *Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam,...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.*

Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
  - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
  - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
  - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

IV. Phương pháp xác định NAV và NAV/1CCQ

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường, giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo các phương pháp nêu tại mục III và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.)

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được làm tròn xuống đến 5 chữ số thập phân.

V. Quy trình định giá tài sản của Quỹ

1. Trước ngày giao dịch hoán đổi (ngày T-1)

- Xác nhận kết quả giao dịch với công ty chứng khoán và tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ, Ngân hàng giám sát.
- Hoàn tất các giao dịch của Quỹ để ghi nhận tính Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bao gồm:
  - Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
  - Các nghiệp vụ thanh toán chi phí/giá dịch vụ liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
  - Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
  - Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng Chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
  - Đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng giám sát;
  - Đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
  - Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, cổ tức tính;
  - Trích lập các khoản dự chi như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ ngân hàng lưu ký giám sát, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí/giá dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của Quỹ…;
  - Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư;

- Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ gửi dự thảo NAV và bộ báo cáo cho Công ty Quản lý Quỹ
- Công ty Quản lý Quỹ xác nhận NAV
- Lập và kiểm tra Danh mục chứng khoán cơ cấu dự kiến và Danh mục chứng khoán cơ cấu có sự kiện quyền cho HOSE
- Lập và gửi Danh mục chứng khoán cơ cấu cho HOSE, VSDC và thực hiện Công bố thông tin

2. Tại ngày giao dịch hoán đổi (ngày T)

- Hoàn tất công bố thông tin về Danh mục chứng khoán cơ cấu
- Nhà Đầu tư/ Thành viên lập Quỹ hoàn tất thực hiện giao dịch hoán đổi

3. Sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1)

- Công ty Quản lý Quỹ thực hiện Công bố thông tin định kỳ giao dịch:
  - Thông báo giá trị Tài sản ròng Ngày T
  - Kết quả giao dịch hoán đổi Ngày T
- Công ty Quản lý Quỹ thực hiện Công bố thông tin định kỳ hàng tuần:
  - Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng trong tuần;
  - Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE) trong tuần.

PHỤ LỤC 5. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ

(Vui lòng xem Dự thảo Điều lệ quỹ được đính kèm)